

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Thu Hà
Giảng viên hướng dẫn : Th.s Phạm Văn Tường

HẢI PHÒNG - 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHÍ PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TNHH Ô TÔ XE MÁY THUẬN PHONG**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Thu Hà

Giảng viên hướng dẫn : Th.s Phạm Văn Tường

HẢI PHÒNG - 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Thu Hà

Mã SV: 1312401132

Lớp: QT1703K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Trình bày các cơ sở lý luận về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Phân tích thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong .

- Đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện hơn tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Quy chế, quy định về kế toán – tài chính tại doanh nghiệp.

- Hệ thống kế toán liên quan đến công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong, sử dụng số liệu năm 2016.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

- Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong .

- Địa chỉ: Số 5A đường Phạm Văn Đồng , phường Anh Dũng , quận Dương Kinh , Hải Phòng .

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Phạm Văn Tường**

Học hàm, học vị: **Thạc sĩ**

Cơ quan công tác: **Trường Đại học Dân lập Hải Phòng**

Nội dung hướng dẫn: **Khóa luận tốt nghiệp**

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng....năm 2017

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT *Trần Hữu Nghị*

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU , CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.....	2
1.1. Những vấn đề chung về doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	2
1.1.1 Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	2
1.1.2 Một số khái niệm về doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh	
1.1.2.1. Khái quát về doanh thu	3
1.1.2.2. Khái quát về chi phí.....	7
1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh.....	8
1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	10
1.2. Nội dung tổ chức kế toán Doanh thu , Chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong Doanh nghiệp	11
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu	11
1.2.1.1. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.....	11
1.2.1.2 . Tài khoản sử dụng	11
1.2.1.3 . Phương pháp hạch toán.....	13
1.2.2 . Kế toán giá vốn hàng bán.....	13
1.2.2.1. Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho.....	13
1.2.2.2 . Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.....	15
1.2.2.3. Tài khoản sử dụng.....	15
1.2.2.4 Quy trình hạch toán.....	16
1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	17
1.2.3.1. Chứng từ sử dụng.....	17
1.2.3.2 Tài khoản sử dụng.....	17
1.2.3.3. Quy trình hạch toán	18

1.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	19
1.2.4.1. Chứng từ sử dụng.....	19
1.2.4.2. Tài khoản sử dụng.....	19
1.2.4.3. Quy trình hạch toán.....	19
1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.....	21
1.2.5.1. Chứng từ sử dụng.....	21
1.2.5.2. Tài khoản sử dụng.....	21
1.2.5.3. Quy trình hạch toán.....	22
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	23
1.2.6.1 Chứng từ sử dụng.....	23
1.2.6.2. Tài khoản sử dụng.....	23
1.2.6.3. Quy trình hạch toán.....	25
1.2.7. Hạch toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh qua các hình thức kế toán.....	26
1.2.7.1. Hình thức Nhật ký chung.....	26
1.2.7.2. Hình thức Nhật ký- Sổ cái.....	28
1.2.7.3. Hình thức Chứng từ - ghi sổ.....	29
1.2.7.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính	30
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU , CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH Ô TÔ XE MÁY THUẬN PHONG.....	31
2.1 Khái quát chung về công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong	31
2.1.1.Quá trình hình thành và phát triển Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong	31
2.1.2. Ngành nghề kinh doanh.....	32
2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty.....	33
2.1.3.1 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý ở Công ty.....	33
2.1.3.2 Tổ chức công tác kế toán ở Công ty.....	34
2.1.4. Hình thức kế toán, chế độ chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty.....	35

2.1.4.1 .Hình thức kế toán.....	35
2.1.4.2 Hình thức sổ kế toán.....	36
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong.....	36
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong	36
2.2.2 . Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	44
2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán	45
2.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	48
2.2.4.1. Chứng từ kế toán sử dụng.....	48
2.2.4.2. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng.....	48
2.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	56
2.2.5.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	56
2.2.5.2. Kế toán chi phí tài chính	58
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	62
2.2.6.1. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	62
2.2.7.2: Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng.....	62
CHƯƠNG III:CÁC GIẢI PHÁP NHẪM XÁC ĐỊNH CHÍNH XÁC KẾT QUẢ TỪNG HOẠT ĐỘNG TẠI CÔNG TY TNHH Ô TÔ XE MÁY THUẬN PHONG.....	72
3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong	72
3.1.1. Ưu điểm.....	72
3.1.2. Nhược điểm.....	73
3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	74
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	74
3.2.2. Một số nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện công tác kế toán...74	
3.2.3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong	75

3.2.3.1. Giải pháp 1 : Tiến hàng mở thêm sổ chi tiết về doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán.....	75
3.2.3.2. Giải pháp 2: Phân bổ chi phí quản lý kinh doanh theo tiêu thức doanh thu thuần.....	77
3.2.3.3. Giải pháp 3: Công ty nên hạch toán nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào đúng TK theo chế độ kế toán hiện hành	80
3.2.3.4. Giải pháp 4: Công ty nên ứng dụng phần mềm kế toán.	85
KẾT LUẬN.....	87
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	88

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay , vấn đề mà các doanh nghiệp luôn băn khoăn lo lắng là : “ Hoạt động kinh doanh có hiệu quả hay không ? Doanh thu có trang trải được toàn bộ chi phí bỏ ra hay không ? Làm thế nào để tối đa hóa lợi nhuận ? Khi mà các doanh nghiệp hiện nay không những chịu tác động của qui luật giá trị mà còn chịu tác động của qui luật cung cầu và qui luật cạnh tranh . Bất cứ doanh nghiệp nào khi kinh doanh cũng mong muốn lợi nhuận đạt được là tối đa , để có lợi nhuận đó thì điều quan trọng hàng đầu của các doanh nghiệp là phải kiểm soát được các khoản doanh thu , các khoản chi phí và xác định tính toán kết quả của các hoạt động kinh doanh , đầu tư tài chính một cách chính xác và hợp lý .

Trong quá trình học tập môn kế toán tại nhà trường và thực tập tại Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong , đồng thời được sự giúp đỡ tận tình của thầy cô giáo cũng như các anh chị kế toán của Công ty TNHH ô tô xe máy

Thuận Phong . Em đã chọn đề tài : “ Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong.

Đề tài gồm 3 nội dung chính:

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong .

Chương 3: Các giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong .

Do trình độ lý luận và thời gian tiếp cận còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

***Sinh viên
Phạm Thu Hà***

CHƯƠNG I:**LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ****1.1. Những vấn đề chung về doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.****1.1.1 Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

+ Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

+ *Đối với doanh nghiệp:*

- Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp có vai trò quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Trước hết, doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái xuất đơn cũng như tái xuất mở rộng, là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện được các nghĩa vụ đối với đất nước, tham gia liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp trong nước cũng như nước ngoài.

- Đồng thời doanh nghiệp luôn quan tâm đến các khoản chi phí, bởi vì nếu chi phí không hợp lý, không đúng với bản chất của nó, đều gây ra những khó khăn trong quản lý và có thể làm giảm lợi nhuận trong doanh nghiệp. Vì vậy, vấn đề quan trọng đặt ra cho các nhà quản lý là kiểm soát được chi phí của doanh nghiệp từ đó đưa ra các quyết định chi tiêu một cách hợp lý cho hiệu quả cao.

- Dựa trên doanh thu đạt được và chi phí bỏ ra, doanh nghiệp phản ánh đúng đắn kết quả kinh doanh, có như vậy doanh nghiệp mới biết được tình hình sản xuất kinh doanh trong kỳ của mình và biết được xu hướng phát triển của doanh nghiệp. Mặt khác, việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối cho từng hoạt động của doanh nghiệp.

- Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh giúp cho ban lãnh đạo nắm bắt được tình hình tiêu thụ, thu hồi các khoản phải thu của khách hàng, nắm bắt được kết quả kinh doanh của kỳ . Thấy được ưu

điểm nhược điểm, những vấn đề còn tồn tại từ đó đưa ra các giải pháp khắc phục, đề ra phương án chiến lược kinh doanh đúng đắn cho các kỳ tiếp theo. Chính vì thế làm tốt công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ quyết định sự thành bại của doanh nghiệp

+ Đối với Nhà nước:

- Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cũng có ý nghĩa quan trọng đối với Nhà nước:

- Trên cơ sở các số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu, đảm bảo nguồn thu cho Ngân sách quốc gia. Từ đó, Nhà nước tái đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đảm bảo điều kiện về chính trị - an ninh - xã hội tốt nhất.

- Thông báo tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước của các doanh nghiệp, các nhà hoạch định chính sách quốc gia sẽ có cơ sở để đề ra các giải pháp phát triển nền kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá.

- Riêng đối với các doanh nghiệp có nguồn vốn nhà nước, việc xác định doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không những đem lại nguồn thu cho Ngân sách Nhà nước mà còn đảm bảo nguồn vốn đầu tư của Nhà nước không bị thất thoát.

+ Đối với nhà đầu tư: Thông qua các chỉ tiêu về doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trên các báo cáo tài chính các nhà đầu tư sẽ phân tích đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp để có các quyết định đầu tư đúng đắn.

+ Đối với tổ chức trung gian tài chính: Các số liệu về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là căn cứ để ra quyết định cho vay vốn đầu tư

+ Đối với nhà cung cấp:

Kết quả kinh doanh, lịch sử thanh toán là căn cứ để quyết định cho doanh nghiệp chậm thanh toán.

1.1.2 Một số khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.2.1. Khái quát về doanh thu.

a. Khái niệm:

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu chỉ bao gồm tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ (tức được khách hàng chấp nhận, thanh toán)

Các khoản thu hộ bên thứ 3 không phải là nguồn lợi kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp không được coi là doanh thu.

Chẳng hạn đại lý thu hộ tiền hàng cho đơn vị chủ hàng không được coi là doanh thu mà doanh thu chỉ được tính là tiền hoa hồng được hưởng.

Các khoản vốn góp của cổ đông, của chủ sở hữu làm tăng vốn chủ sở hữu nhưng không tính là doanh thu.

b. Các loại doanh thu.**❖ *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***

▪ **Khái niệm :** Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và chi phí thu ngoài giá bán (nếu có)

▪ ***Điều kiện ghi nhận doanh thu***

Theo chuẩn mực kế toán số 14 doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

- **Nguyên tắc xác định doanh thu**
 - Doanh thu phải được ghi nhận vào thời điểm phát sinh, không phân biệt đã thu hay chưa thu tiền
 - Phù hợp : khi ghi nhận doanh thu phải ghi nhận một khoản chi phí phù hợp .
 - Thận trọng : Doanh thu và thu nhập chỉ được ghi nhận khi có bằng chứng chắc chắn về khả năng được thu lợi ích kinh tế
- **Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng theo các phương thức bán hàng:**
 - + Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp: Theo phương thức này người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy hoặc tại phân xưởng sản xuất. Khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.
 - + Tiêu thụ theo phương thức ký gửi đại lý: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi nhận được báo cáo bán hàng do đại lý gửi.
 - + Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi bên bán đã chuyển hàng tới địa điểm của bên mua và bên bán đã thu được tiền hàng hoặc đã được bên mua chấp nhận thanh toán.
 - + Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp: Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm lãi trả chậm, trả góp.

❖ **Các khoản giảm trừ doanh thu :**

Các khoản giảm trừ doanh thu như: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp và thuế xuất nhập khẩu. Các khoản giảm trừ doanh thu là cơ sở để tính doanh thu thuần và kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán.

- **Chiết khấu thương mại** là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do người mua hàng mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.

- **Hàng bán bị trả lại** là số sản phẩm hàng hóa doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ, đã ghi nhận doanh thu nhưng bị khách hàng trả lại do người bán vi

phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế hoặc theo chính sách bảo hành như: không phù hợp với yêu cầu, tiêu chuẩn, hàng kém phẩm chất, sai quy cách, chủng loại.

- **Giảm giá hàng bán** là khoản tiền doanh nghiệp (bên bán) giảm trừ cho bên mua hàng trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn...đã ghi trong hợp đồng.

- **Thuế GTGT phải nộp (Theo phương pháp trực tiếp):** Thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ. Đối với doanh nghiệp chưa tính thuế GTGT sẽ xác định bằng tỷ lệ phần trăm GTGT tính trên doanh thu.

- **Thuế TTĐB:** là khoản thuế gián thu, thu ở một số sản phẩm hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

- **Thuế xuất khẩu:** là loại thuế gián thu đánh vào các mặt hàng được phép xuất khẩu.

❖ **Doanh thu thuần:**

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu.

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính:**

Là những khoản thu và lãi liên quan đến hoạt động tài chính và hoạt động kinh doanh về vốn khác của doanh nghiệp như: thu lãi, thu nhập từ hoạt động cho thuê tài sản, thu nhập về hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

+ Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

Theo chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”, doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia ghi nhận trên cơ sở:

+ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ

+ Tiền lãi bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng

+ Cổ tức và lợi nhuận được chia ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn

❖ **Thu nhập khác:**

Thu nhập khác là các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu cho doanh nghiệp như các khoản nhận được khi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, các khoản thuê được ngân sách hoàn lại,

Theo chuẩn mực kế toán số 14, thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động tạo ra doanh thu gồm:

- Thu về thanh lý tài sản xố định, nhượng bán tài sản cố định;
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước
- Các khoản thu khác

1.1.2.2 Khái quát về chi phí .

a. Khái niệm

Chi phí là các khoản chi phục vụ cho sản xuất kinh doanh, cho các hoạt động khác... mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định

b. Các loại chi phí

✓ **Giá vốn hàng bán:**

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số thành phẩm, hàng hóa (gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ- đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ

✓ **Chi phí quản lý kinh doanh:**

Là toàn bộ chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ sản phẩm hàng hóa và hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý điều hành chung toàn bộ doanh nghiệp.

✓ **Chi phí hoạt động tài chính:**

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái,...

✓ **Chi phí khác:**

Là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp. Nội dung chi phí khác bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có).
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế.
- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán.
- Các khoản chi phí khác

✓ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:**

- Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

- Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN

1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh:

Kết quả sản xuất kinh doanh là kết quả cuối cùng của doanh nghiệp đạt được trong một thời kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và do hoạt động khác mang lại được biểu hiện thông qua chỉ tiêu lãi hoặc lỗ.

- Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

+ **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ** là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

$$\text{Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu}$$

$$\text{Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Giá vốn hàng bán}$$

$$\text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} = \text{Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ} + \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính} - \text{Chi phí quản lý kinh doanh}$$

+ **Kết quả hoạt động tài chính** là chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

$$\text{Lợi nhuận tài chính} = \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính}$$

+ **Kết quả hoạt động khác** là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

+ **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**: là tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận tài chính và lợi nhuận khác

+ **Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp**: là loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của các doanh nghiệp.

$$\text{Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} \times \text{Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp}$$

+ **Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**: là tổng số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\text{Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp}$$

Kết quả từng loại hoạt động tính trên cũng mới thể hiện số tổng hợp về doanh thu, thu nhập, chi phí để xác định kết quả từng loại hoạt động, xong với các nhà quản trị doanh nghiệp điều quan trọng cần thiết hơn là họ phải biết được kết quả lãi (lỗ) không chỉ tính riêng cho từng hoạt động mà trong từng hoạt động cần phải biết cụ thể cho từng loại sản phẩm, từng loại lao vụ dịch vụ, từng loại nghiệp vụ (chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, đầu tư góp vốn liên doanh ngắn hạn, dài hạn ...). Đó chính là công việc của cán bộ kế toán phải cung cấp đầy đủ thông tin cho các nhà quản trị doanh nghiệp ra được các quyết định phù hợp. Sản xuất tiếp hay thôi, mở rộng quy mô hay thu hẹp, chuyển hướng SXKD, đầu tư cho vay hay sản xuất ... Nói cách khác, cần thiết phải tổ chức kế toán chi tiết kết quả kinh doanh.

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

• Nhiệm vụ của kế toán doanh thu

- Tổ chức ghi chép theo dõi, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời và đôn đốc chặt chẽ các khoản doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu.

- Kế toán phải mở sổ chi tiết để theo dõi từng khoản doanh thu theo yêu cầu của từng đơn vị.

- Phản ánh: Ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và biến động tăng giảm về mặt số lượng và mặt giá trị các loại sản phẩm, hàng hóa. Theo dõi chi tiết thanh toán với người mua, ngân sách nhà nước về các khoản thuế, phí lệ phí các sản phẩm hàng hóa bán ra.

- Xác định đúng thời điểm hàng hóa được coi là tiêu thụ để phản ánh doanh thu một cách chính xác và kịp thời lập báo cáo tiêu thụ.

• Nhiệm vụ của kế toán chi phí

- Ghi chép đầy đủ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- Căn cứ thực tế quy trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, kế toán chi phí vận dụng các phương pháp kế toán (Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho, phương pháp tính giá thành, phương pháp khấu hao) cho phù hợp.

- Tiến hành tập hợp phân bổ các khoản chi phí hợp lý.

- *Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh*

- Xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong từng lĩnh vực hoạt động, từng thời kỳ.

- Hạch toán chính xác, kịp thời kết quả kinh doanh, cung cấp các thông tin phục vụ cho việc quyết toán, đồng thời định kỳ tiến hành phân tích kinh tế đối với báo cáo kết quả kinh doanh, từ đó tham mưu cho Ban lãnh đạo về các giải pháp để tăng lợi nhuận.

1.2. Nội dung tổ chức kế toán Doanh thu, Chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong Doanh nghiệp

1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.1.1 Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng

Tùy theo phương thức bán hàng, phương thức thanh toán, kế toán bán hàng sử dụng các chứng từ, sổ sách kế toán như sau:

- Hóa đơn bán hàng thông thường
- Hóa đơn GTGT
- Bảng kê hàng gửi đi bán đã tiêu thụ
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc thanh toán, Ủy nhiệm thu, Giấy báo Có của ngân hàng).
- Chứng từ liên quan khác: Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng trả lại,...

1.2.1.2 Tài khoản sử dụng

✓ **Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 6 TK cấp 2:**

- TK 5111 - Doanh thu bán hàng.
- TK 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm.
- TK 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ.
- TK 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá.
- TK 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.
- TK 5118 – Doanh thu khác.

Kết cấu tài khoản 511:

Nợ	TK511	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Thuế TTĐB, thuế XK, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. • Các khoản CKTM, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. • Kết chuyển doanh thu thuần sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh 		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, lao vụ phát sinh trong kỳ hạch toán.
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có

TK 511 không có số dư

✓ **TK 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu, có 3TK cấp 2 gồm:**

- TK 5211 - Chiết khấu thương mại
- TK 5212 - Hàng bán bị trả lại
- TK 5213 - Giảm giá hàng bán

Kết cấu tài khoản 521:

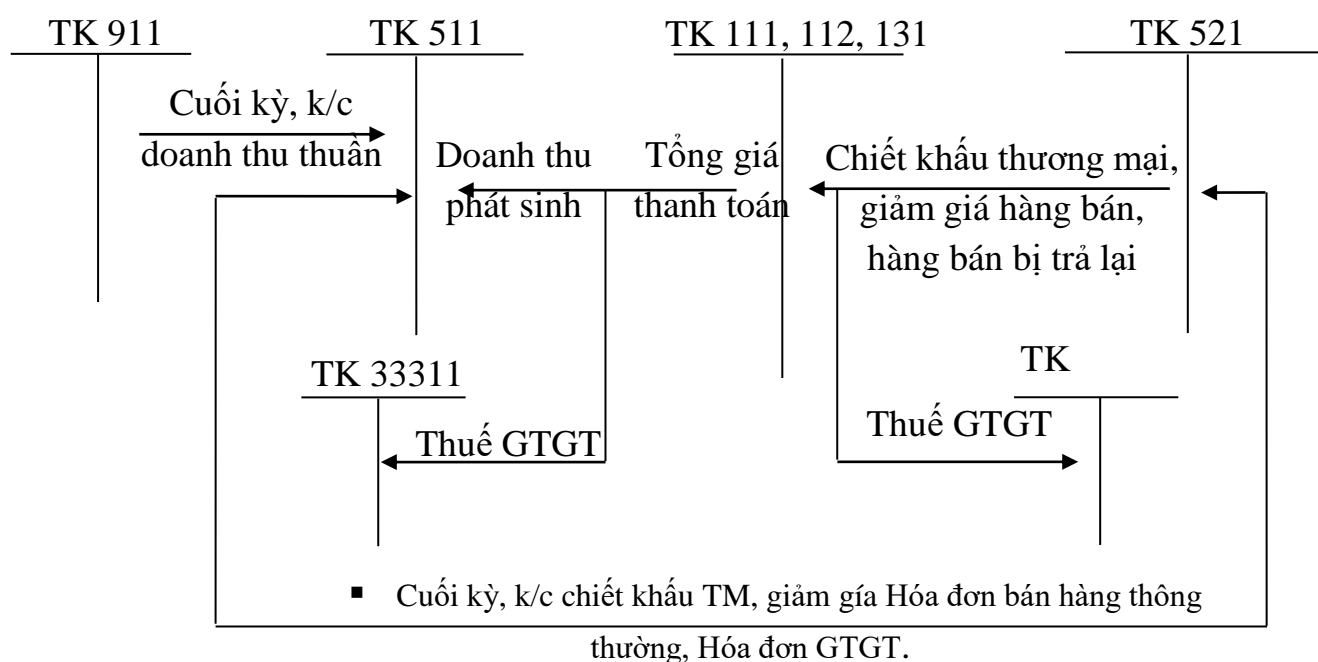
Nợ	TK 521	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Khoản chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho KH. • Trị giá hàng bán trả lại. • Khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận cho khách hàng hưởng. 		<ul style="list-style-type: none"> • Kết chuyển toàn bộ khoản chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, trị giá hàng bán trả lại sang TK 511 để xác định DT thuần.
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 521 không có số dư

1.2.1.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát qua sơ đồ 1.1

Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu



1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.2.1 Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho

$$\text{Trị giá vốn thực tế của hàng hóa xuất kho} = \text{Số lượng hàng hóa xuất kho} \times \text{Đơn giá xuất kho}$$

Trong đó đơn giá xuất kho được xác định theo một trong bốn phương pháp sau :

➤ **Phương pháp bình quân gia quyền**

Giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ} &= \frac{\text{Trị giá thực tế hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá vốn thực tế cả hàng hóa nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập kho trong kỳ}} \\ \text{Đơn giá bình quân sau lần nhập } i &= \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn kho sau lần nhập } i} \end{aligned}$$

➤ **Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO)**

FIFO được áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước và giá trị hàng xuất kho được tính theo giá trị của lô hàng nhập trước hoặc sản xuất trước và thực hiện tuần tự cho đến khi chúng được xuất ra hết .

Phương pháp này giúp cho chúng ta có thể tính ngay trị giá vốn hàng xuất kho từng lần xuất hàng , do vậy đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán ghi chép các khâu tiếp theo cũng như quản lý .

Tuy nhiên , phương pháp này có nhược điểm là làm cho doanh thu hiện tại không phù hợp với những khoản chi phí hiện tại .

➤ **Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO).**

LIFO được áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, hàng tồn kho còn lại cuối kì là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của nhập kho đầu kì hoặc gần đầu kì còn tồn kho.

➤ **Phương pháp thực tế đích danh**

Theo phương pháp này sản phẩm , vật tư , hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính . Đây là phương án tốt nhất , nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán : chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế . Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra . Hơn nữa , giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó .

Tuy nhiên , việc áp dụng phương pháp này đòi hỏi những điều kiện khắt khe , chỉ những doanh nghiệp kinh doanh có ít loại mặt hàng , hàng tồn kho có giá trị lớn , mặt hàng ổn định và loại hàng tồn kho nhận diện được thì mới có thể áp dụng được phương pháp này .

1.2.2.2 Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng

- Hóa đơn mua hàng, hóa đơn GTGT.
- Phiếu xuất kho.

1.2.2.3 Tài khoản sử dụng

Đối với nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên sử dụng tài khoản: **TK 632 – Giá vốn hàng bán.**

Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ sử dụng tài khoản: **TK 631 – Giá thành sản xuất**

TK 632 – Giá vốn hàng bán.

Kết cấu tài khoản 632:

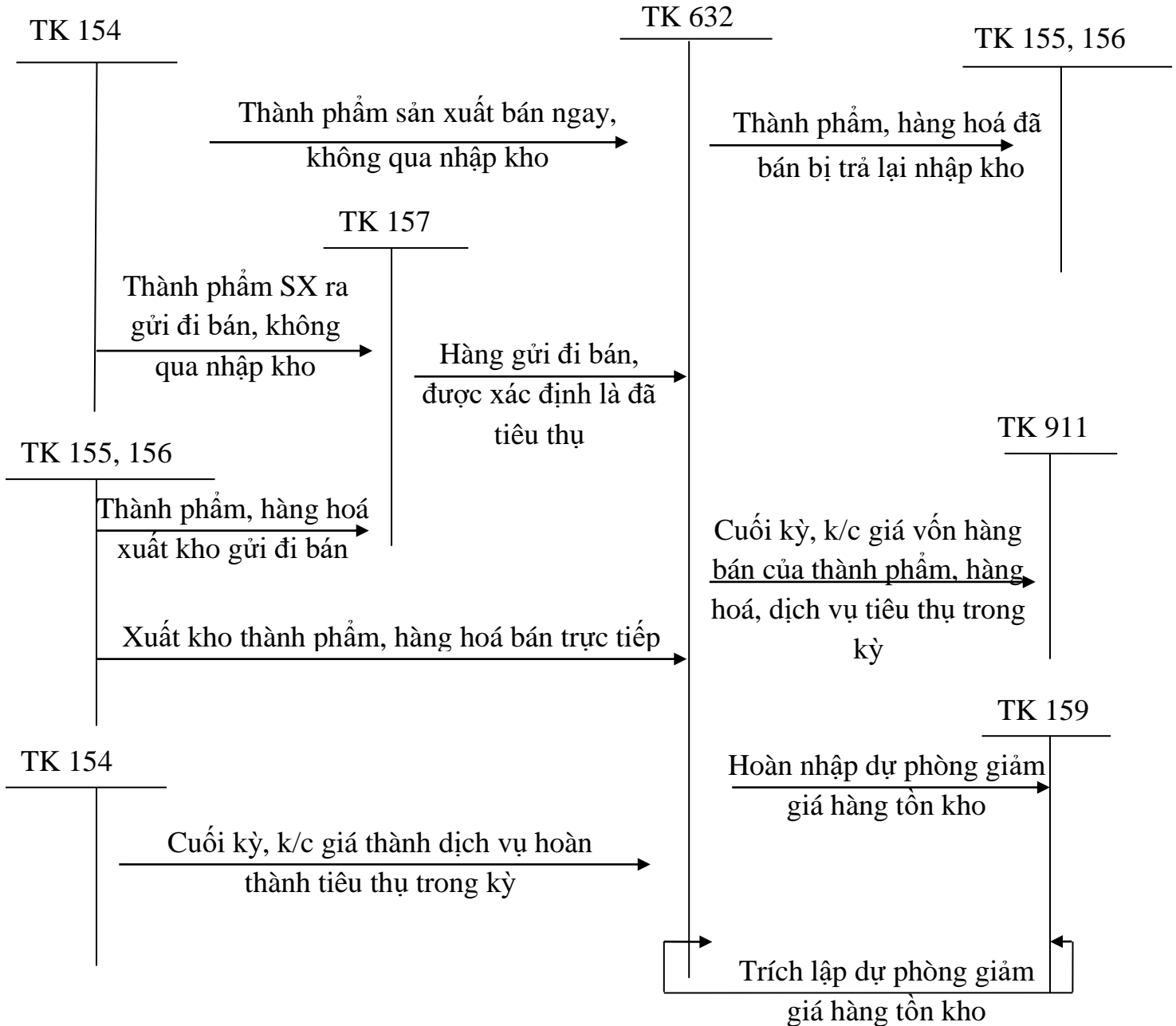
Nợ	TK632	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Phản ánh giá vốn của hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ. • Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. 	<ul style="list-style-type: none"> • K/c giá vốn hàng bán bị trả lại. • Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính. • K/c giá vốn hàng bán vào TK 911. 	
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 632 không có số dư

1.2.2.4 Quy trình hạch toán

Sơ đồ 1.2: Kế toán giá vốn hàng bán.

Theo phương pháp kê khai thường xuyên



1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

➤ *Khái niệm:*

Là những khoản chi phí có liên quan đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách riêng được cho bất kỳ hoạt động nào. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác.

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng

- Bảng tính và phân bổ tiền lương và BHXH
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ.
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy bảo nợ.
- Các chứng từ liên quan khác.

1.2.3.2 Tài khoản sử dụng

TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh

Tài khoản này có 2 tài khoản cấp 2:

- TK 6421 “ Chi phí bán hàng”
- TK 6422 “ Chi phí quản lý doanh nghiệp”

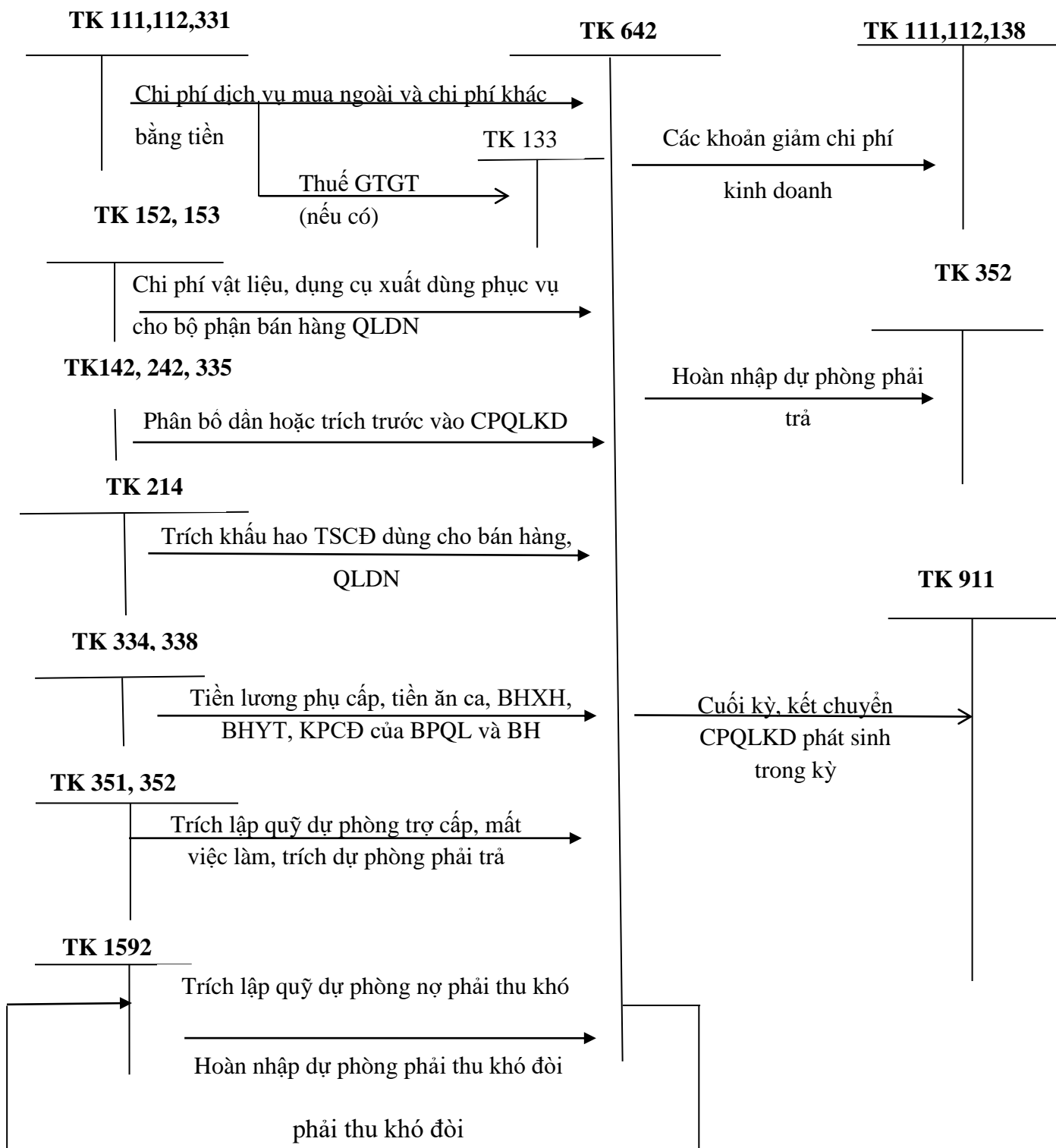
Kết cấu tài khoản 642:

Nợ	TK 642	Có
ng, quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ.	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ.	
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 642 không có số dư

1.2.3.3. Quy trình hạch toán

Sơ đồ 1.3 : Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh



1.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.2.4.1. Chứng từ sử dụng

- Giấy bảo lãi, giấy báo có của Ngân hàng
- Bản sao kê của Ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Phiếu thu và các chứng từ có liên quan khác

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính**

Kết cấu tài khoản 515:

Nợ	TK515	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có). - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911. 	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán trả chậm, lãi tỷ giá... 	
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 515 không có số dư

- **Tài khoản 635 – Chi phí tài chính**

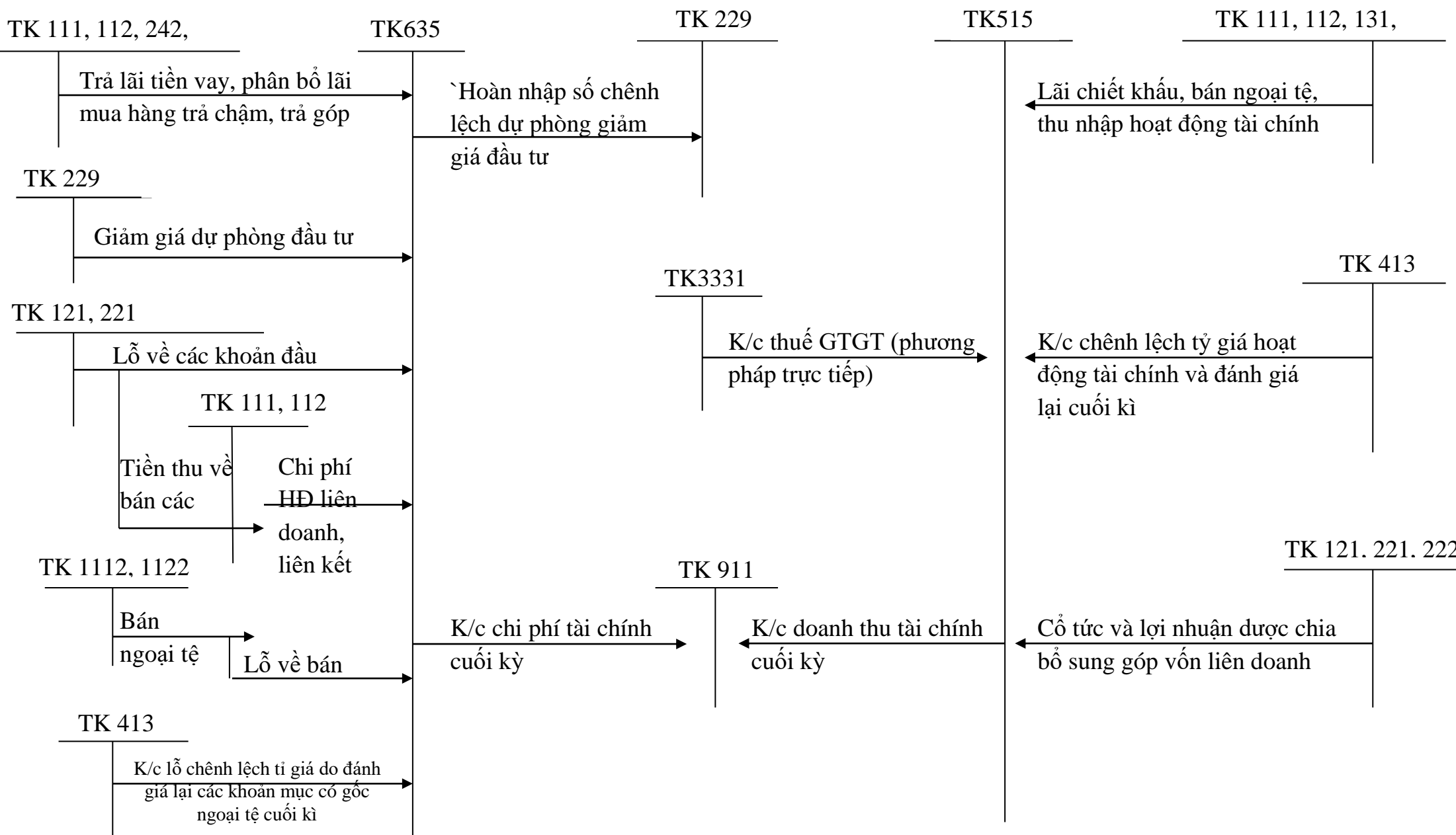
Kết cấu tài khoản 635:

Nợ	TK635	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Tập hợp chi phí hoạt động tài chính: Chi phí đi vay, lỗ tỷ giá, chiết khấu thanh toán cho người mua. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính sang TK 911 	
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 635 không có số dư

1.2.4.3. Quy trình hạch toán

Sơ đồ 1.4 : Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính



1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.5.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo Nợ, giấy báo Có của ngân hàng
- Biên bản thanh lý, nhượng bán tài sản cố định
- Các chứng từ khác có liên quan...

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 711 – Thu nhập khác.

Kết cấu tài khoản 711:

Nợ	TK711	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp. - Kết chuyển thu nhập khác sang TK 911. 	-	<ul style="list-style-type: none"> Tập hợp thu nhập khác phát sinh trong kỳ kinh doanh.
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 711 không có số dư

Tài khoản 811 – Chi phí khác

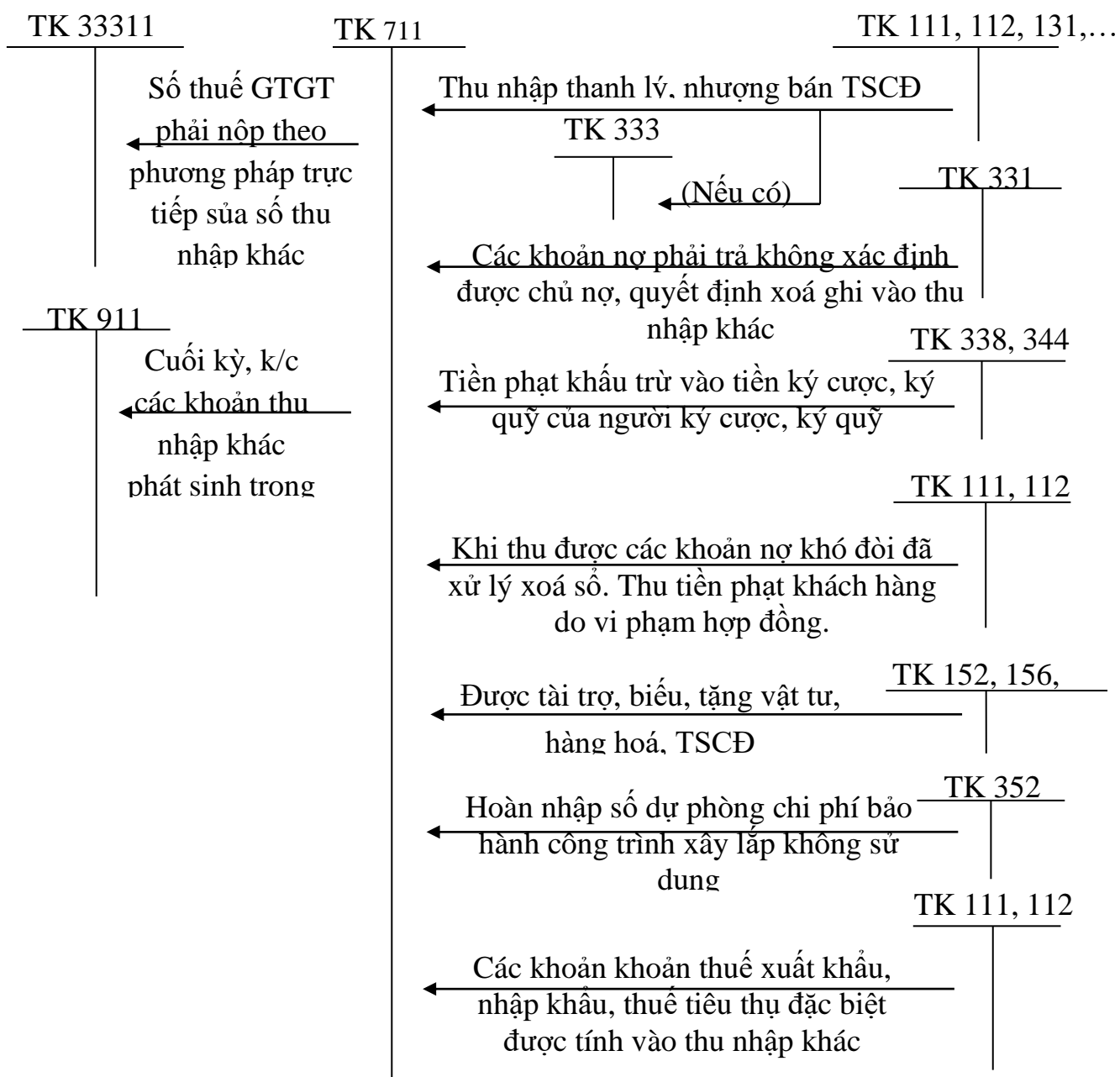
Kết cấu tài khoản 811:

Nợ	TK 811	Có
<ul style="list-style-type: none"> Tập hợp chi phí khác phát sinh trong kỳ 	-	<ul style="list-style-type: none"> Kết chuyển chi phí khác sang TK 911
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

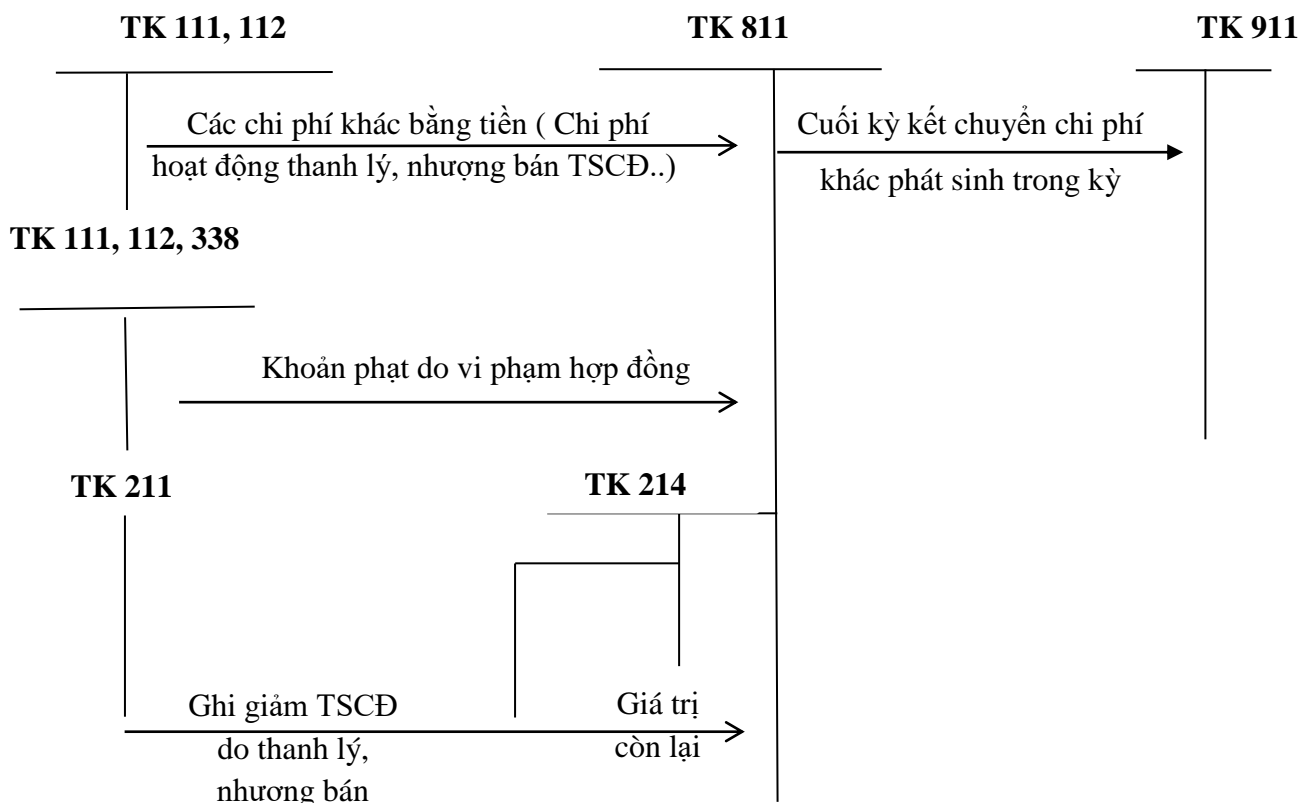
TK 811 không có số dư

1.2.5.3. Quy trình hạch toán

Sơ đồ 1.5: Kế toán thu nhập khác.



Sơ đồ 1.6: Kế toán chi phí khác



1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng mà doanh nghiệp đạt được trong một thời kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và do hoạt động khác mang lại được biểu hiện thông qua chỉ tiêu lãi hoặc lỗ.

Cách xác định kết quả kinh doanh:

- **Doanh thu thuần** = DT bán hàng và cung cấp dịch vụ - Các khoản giảm trừ doanh thu.
- **Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ** = Doanh thu thuần – Giá vốn hàng bán.
- **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** = Lợi nhuận gộp + Doanh thu hoạt động tài chính – Chi phí tài chính - Chi phí quản lý kinh doanh.
- **Lợi nhuận từ hoạt động khác** = Thu nhập từ hoạt động khác – Chi phí hoạt động khác.
- **Lợi nhuận kế toán trước thuế** = **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh + Lợi nhuận từ hoạt động khác**

1.2.6.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán.
- Các chứng từ liên quan khác.

1.2.6.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

Kết cấu tài khoản 911:

Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Tập hợp CP phát sinh trong kỳ (giá vốn hàng bán, CP BH, CP QLKD, CP hoạt động tài chính, CP khác). - Kết chuyển lãi. - Kết chuyển CP thuế TNDN. 		<ul style="list-style-type: none"> - Tập hợp doanh thu, thu nhập phát sinh trong kỳ (doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác). - Kết chuyển lỗ.
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 911 không có số dư

Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối, bao gồm:

TK 4211 – Lợi nhuận chưa phân phối năm trước.

TK4212 – Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

Kết cấu tài khoản 421:

Nợ	TK 421	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. - Trích lập các quỹ trong doanh nghiệp. - Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, nhà đầu tư, các bên tham gia góp vốn. - Bổ sung nguồn vốn kinh doanh. - Nộp lợi nhuận lên cấp trên 		<ul style="list-style-type: none"> - Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh trong kỳ - Số lỗ của cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù. - Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có
Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý		Số lợi nhuận chưa phân phối

Tài khoản 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

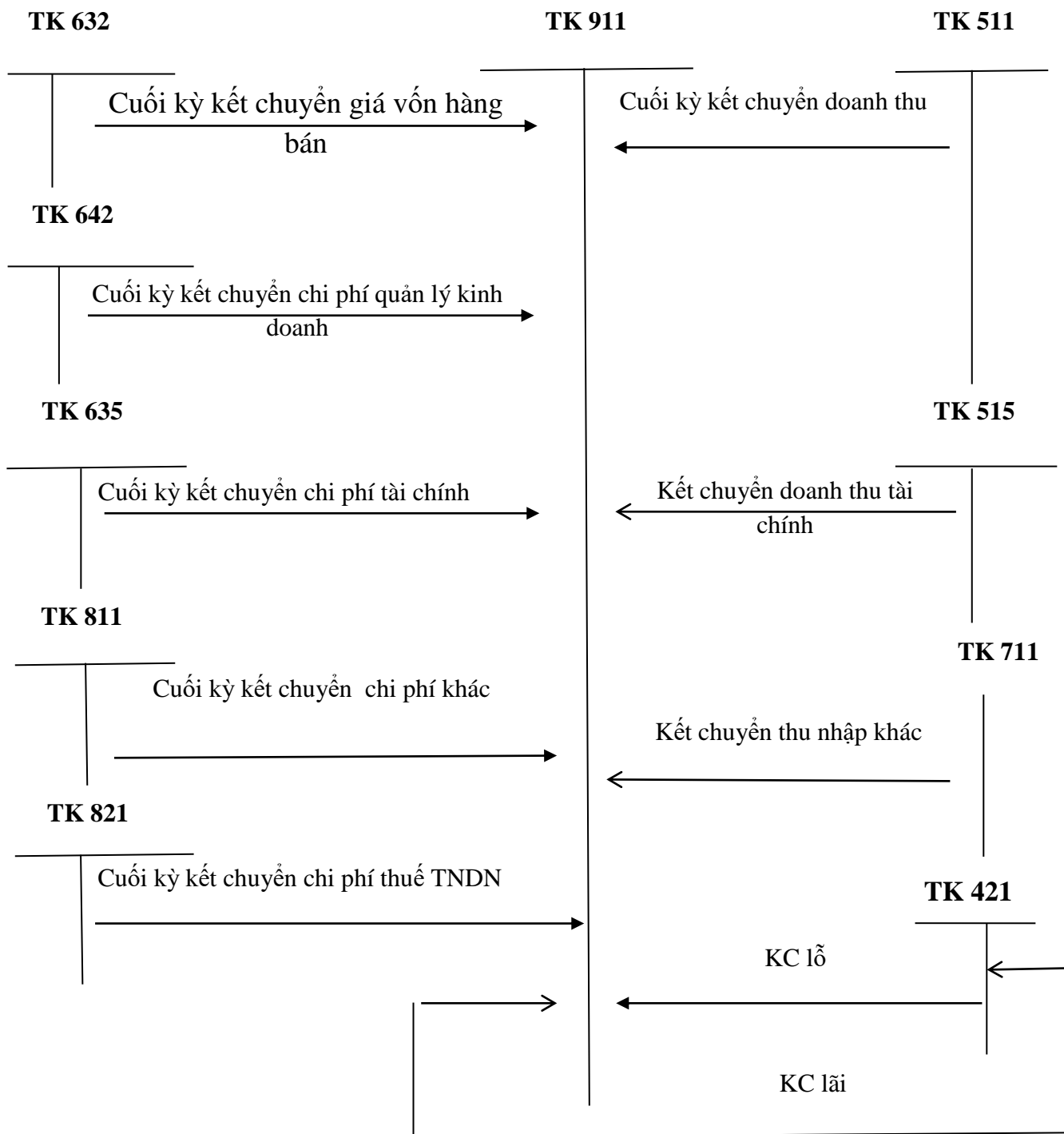
Kết cấu tài khoản 821:

Nợ	TK 821	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm. - Ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại. 		<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm. - Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. - Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh.
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 821 không có số dư

1.2.6.3 Quy trình hạch toán

Sơ đồ 1. 7: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh



1.2.7. Hạch toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh qua các hình thức kế toán.

Để ghi chép và hệ thống hóa thông tin kế toán, mỗi doanh nghiệp sử dụng một loại hình thức sổ kế toán nhất định, phù hợp với đặc điểm, quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý và trình độ đội ngũ cán bộ kế toán của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp được áp dụng một trong bốn hình thức kế toán sau:

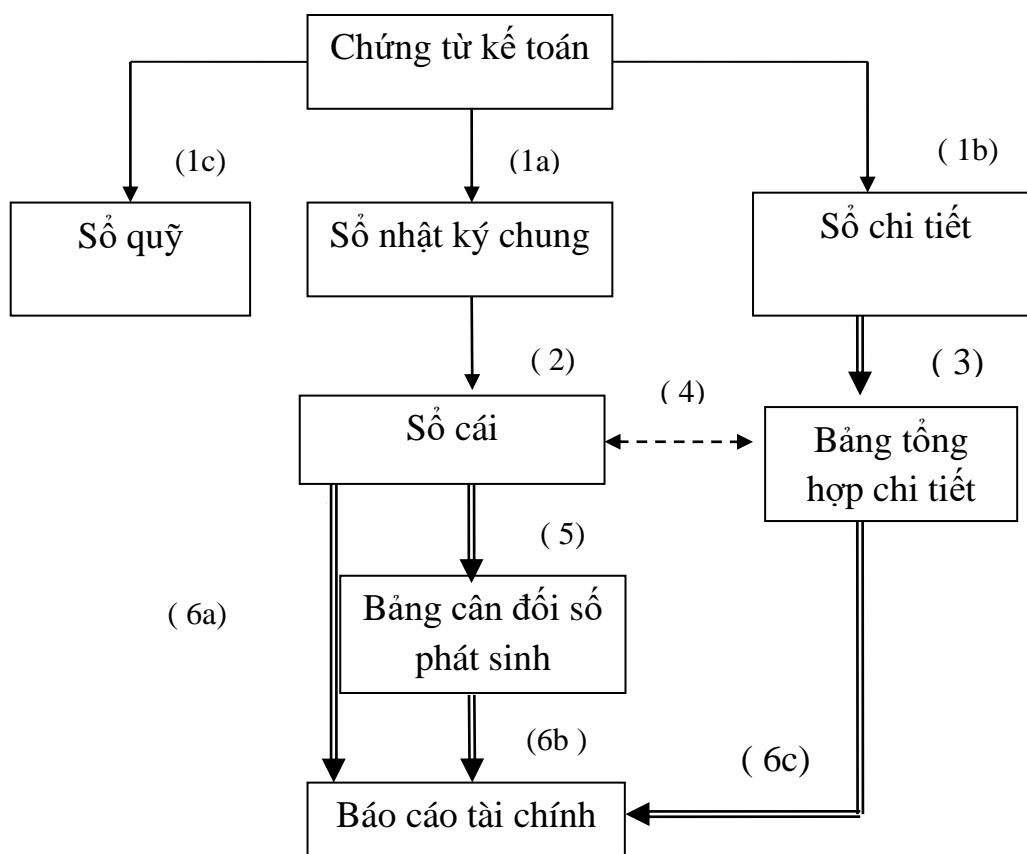
- Nhật ký chung
- Nhật ký sổ cái
- Chứng từ ghi sổ
- Kế toán trên máy vi tính

1.2.7.1 Hình thức Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã phản ánh trên chứng từ kế toán đều phải được ghi vào Sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian. Dựa vào số liệu trên sổ Nhật ký chung để vào các Sổ cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Điều kiện áp dụng: Sử dụng cho hầu hết các loại hình DN: Sản xuất- thương mại – dịch vụ - xây dựng có quy mô vừa và nhỏ

Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày: →
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: ↔
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: →

❖ **Giải thích :**

(1a- 1b- 1c) : Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi vào sổ Nhật ký chung, sổ chi tiết, sổ quỹ .

(2) : Hàng ngày, căn cứ vào số liệu đã được ghi vào sổ Nhật Ký Chung để ghi vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

(3) : Cuối kỳ kế toán lấy số liệu sổ chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết.

(4) : Cuối kỳ kế toán kiểm tra đối chiếu giữa bảng tổng hợp chi tiết với sổ cái.

(5) : Cuối kì căn cứ vào số liệu trên sổ cái, kế toán lập bảng cân đối số phát sinh.

(6a- 6b- 6c): Cuối kì sau khi đối chiếu khớp đúng , lấy số liệu sổ cái BTHCT và BCĐPS lập báo cáo tài chính.

❖ **Ưu điểm :**

- Mẫu sổ đơn giản, dễ thực hiện, thuận tiện cho việc phân công lao động kế toán.
- Được dùng phổ biến thuận tiện cho việc ứng dụng tin học và sử dụng máy vi tính trong công tác kế toán.
- Có thể tiến hành kiểm tra đối chiếu ở mọi thời điểm trên sổ Nhật ký chung, cung cấp thông tin kịp thời.

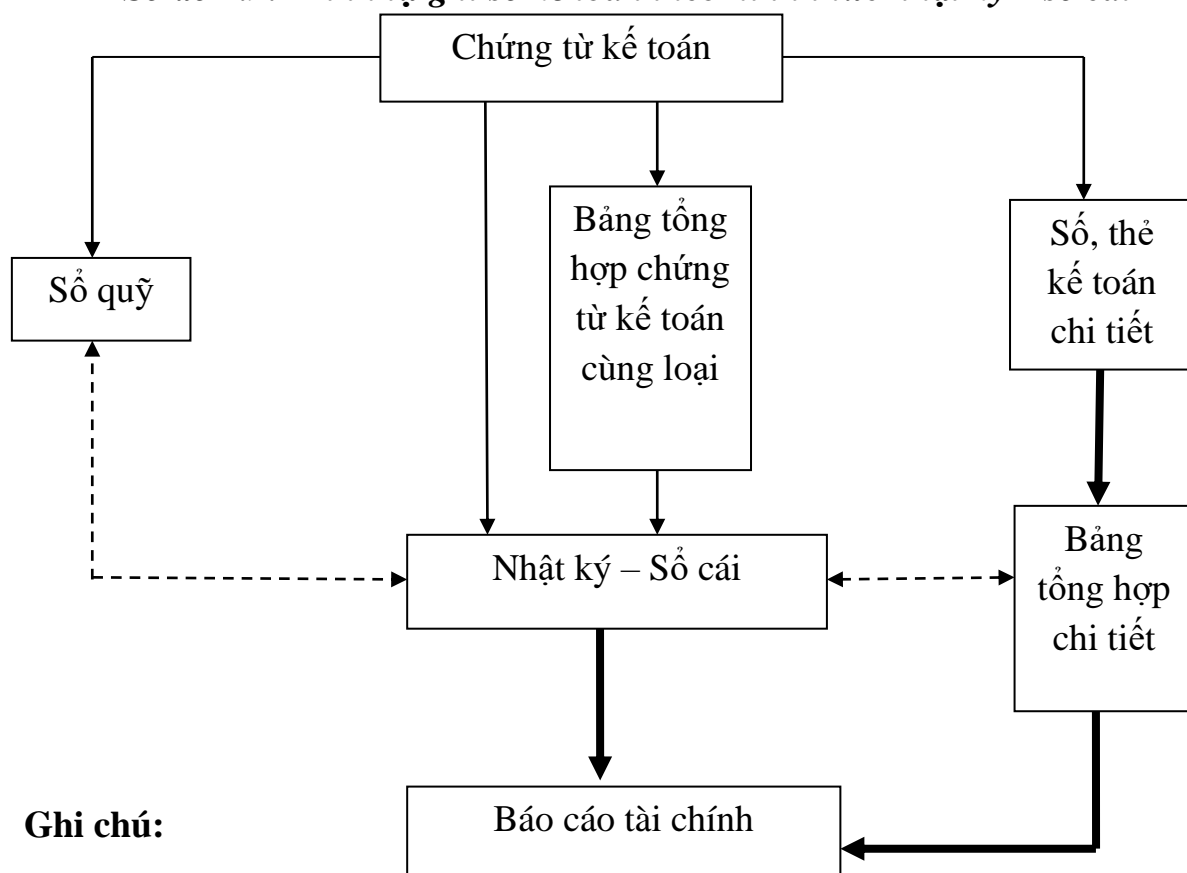
❖ **Nhược điểm:** Lượng ghi chép nhiều.

1.2.7.2 Hình thức Nhật ký – Sổ cái

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã phản ánh trên chứng từ kế toán đều được ghi vào Sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Sổ Nhật ký – sổ cái theo trình tự thời gian. Căn cứ vào Nhật ký – sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp các chứng từ kế toán cùng loại.

Điều kiện áp dụng: Sử dụng cho những DN có quy mô nhỏ, sử dụng ít Tài khoản kế toán

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký – sổ cái



Ghi chú:

Ghi hàng ngày —————→

Ghi cuối tháng —————→

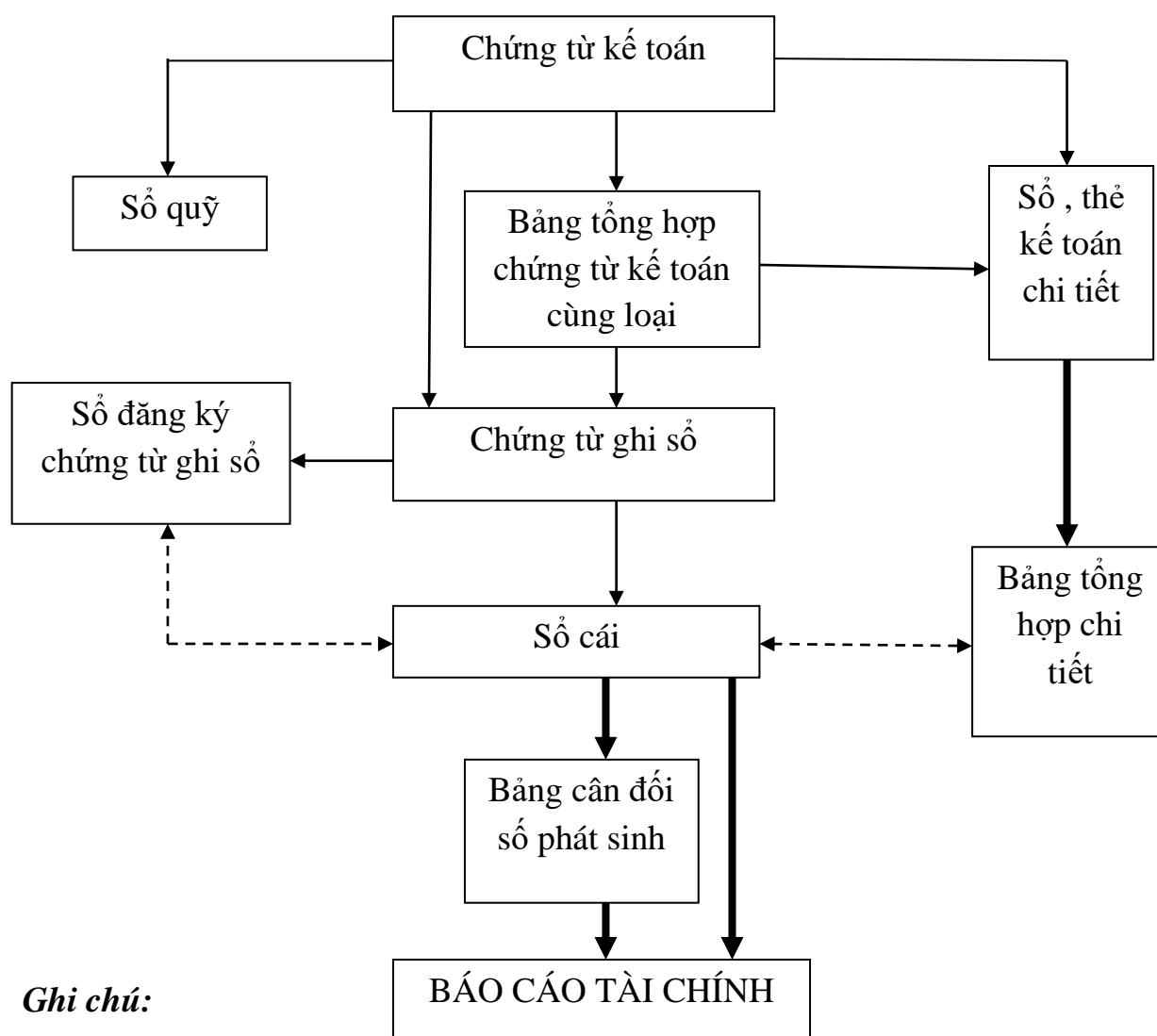
Đối chiếu , kiểm tra ←-----→

1.2.7.3. Hình thức Chứng từ - ghi sổ

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã được phản ánh trên chứng từ kế toán đều được phân loại, tổng hợp và lập chứng từ ghi sổ. Dựa vào số liệu ghi trên Chứng từ ghi sổ để ghi vào Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ theo trình tự thời gian và ghi vào Sổ Cái theo nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Điều kiện áp dụng: Áp dụng cho những DN có quy mô vừa, Quy mô lớn. Sử dụng nhiều lao động kế toán và số lượng lớn các Tài khoản kế toán được sử dụng

Sơ đồ 2.0: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày

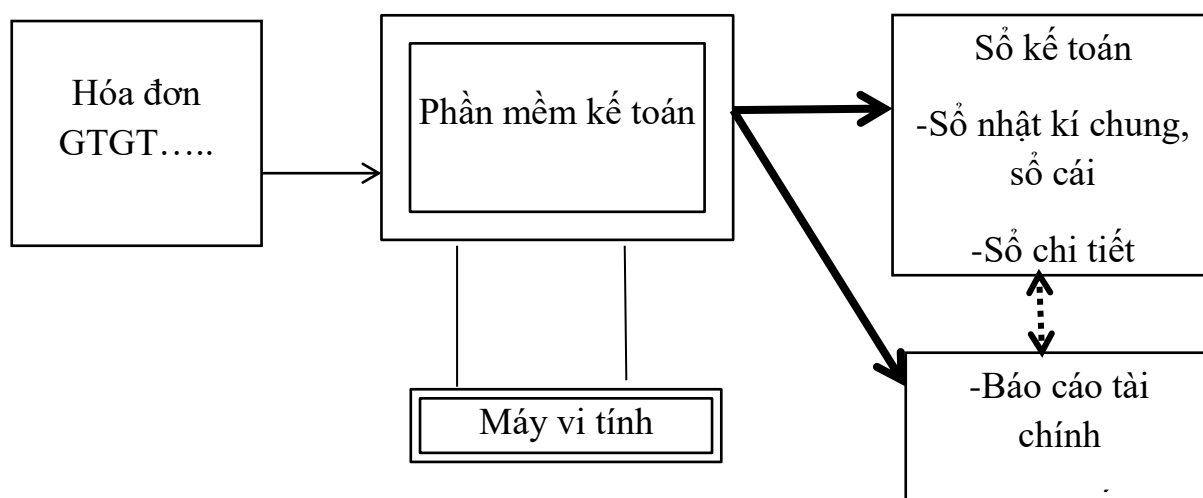
Ghi cuối tháng

Đối chiếu, kiểm tra

1.2.7.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản: Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Sơ đồ 2.1 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú

Nhập số liệu hàng ngày: →

In sổ, Báo cáo cuối tháng, cuối năm: →

Quan hệ đối chiếu kiểm tra: ↔

CHƯƠNG II:**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU , CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH Ô TÔ XE MÁY THUẬN PHONG****2.1 Khái quát chung về công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong****2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong**

Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong là doanh nghiệp có tư cách pháp nhân đầy đủ, có con dấu và được mở tài khoản tại ngân hàng. Được nhà nước công nhận sự tồn tại lâu dài và tính sinh lợi hợp pháp của việc kinh doanh. Mọi hoạt động của công ty tuân thủ theo các quy định của pháp luật, công ty có quyền lợi hợp pháp khác.

- Tên công ty : Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong
- Tên tiếng anh: Thuan Phong Motorbike Automotive Company Limited
- Địa chỉ : Số 5A đường Phạm Văn Đồng , phường Anh Dũng , quận Dương Kinh , Hải Phòng
- Mã số thuế : 0201205254
- Vốn điều lệ : 8.000.000.000
- Số điện thoại : 0313633838
- Fax: 0313633939
- Người đại diện pháp lý : Bùi Duy Đô
- Loại hình doanh nghiệp : Công ty TNHH hai thành viên trở lên
- Quy mô: Doanh nghiệp vừa và nhỏ

- Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong bắt đầu hoạt động vào ngày 06 tháng 10 năm 2011.

- Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0201205254 do Sở kế hoạch & đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

- Năm 2011 Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong hoạt động kinh doanh chủ yếu là bán ô tô, xe máy với đội ngũ công nhân là 10 người.

- Năm 2014 công ty mở rộng kinh doanh và có thêm các ngành kinh doanh khác.

- Hiện tại, công ty đang ngày càng phát triển và ngày càng có uy tín trên thị trường.

2.1.2. Ngành nghề kinh doanh.

- Ngành nghề kinh doanh

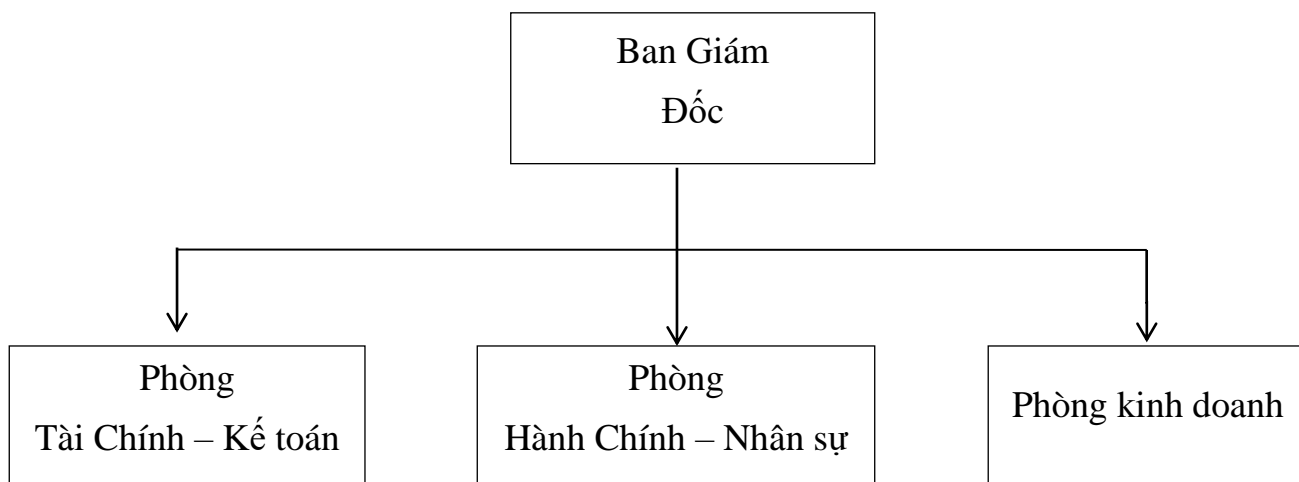
STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	G4511
2	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	G4513
3	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	G45200
4	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	G4530
5	Bán mô tô, xe máy	G4541 (Chính)
6	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	G4542
7	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	G4543
8	Đại lý kí gửi hàng hóa (không bao gồm bảo hiểm và chứng khoán)	G4610
9	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; -Buôn bán xe đạp điện và phụ tùng -Buôn bán đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện	G4649
10	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	G46520
11	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: -Buôn bán xăng dầu và các sản phẩm liên quan	G4661
12	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: -Buôn bán hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp):hóa chất thông thường.	G4669
13	Vận tải hành khách đường bộ khác: -Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh -Vận tải hành khách tuyến cố định và tuyến theo hợp đồng	H4932
14	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	H4933
15	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: -Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa.	N82990

-Ngành nghề kinh doanh chính của doanh nghiệp là: **bán ô tô xe máy.**

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty

2.1.3.1 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý ở Công ty :

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty



❖ Chức năng của từng phòng ban:

➤ Ban giám đốc công ty:

- Là người đại diện theo pháp luật của công ty.
- Chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo chung đối với Công ty về các vấn đề như: lập ra các định hướng phát triển của công ty, đồng thời giám sát bộ máy quản lý, các hoạt động kinh doanh, chính sách nhân sự, tài chính.
- Giám đốc có nhiệm vụ, quyền hạn cao nhất trong Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.

➤ Phòng Tài chính – Kế toán:

- Ghi chép phản ánh đầy đủ, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày. Theo dõi toàn bộ tài sản hiện có của doanh nghiệp, đồng thời cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động kinh tế tài chính của công ty.
- Phản ánh tất cả các chi phí phát sinh trong kỳ và kết quả thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tìm ra những biện pháp tối ưu nhằm đưa doanh nghiệp phát triển, đạt hiệu quả cao.
- Tổ chức chỉ đạo thực hiện toàn bộ công tác kế toán, hạch toán các nghiệp vụ kinh tế theo quy định.

➤ **Phòng Hành chính –Nhân sự:**

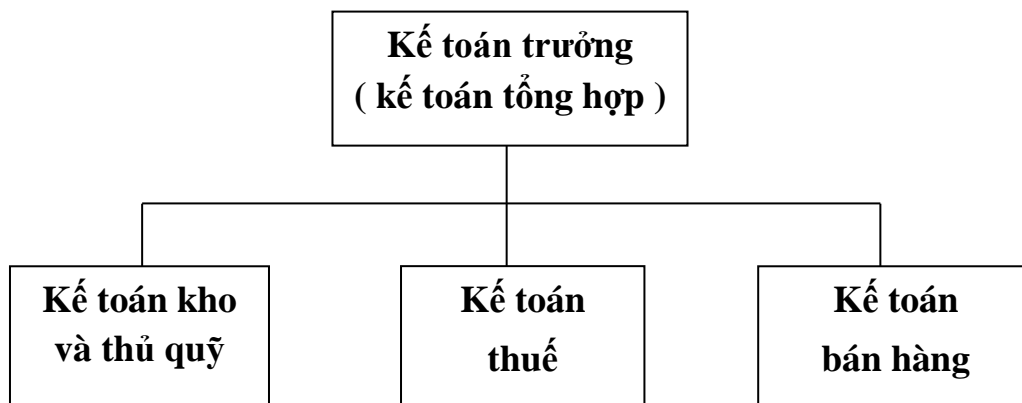
Giải quyết các thủ tục nội bộ công ty, lên kế hoạch và thực hiện tuyển dụng nguồn nhân lực cho công ty, trợ giúp lãnh đạo trong việc đánh giá nhân sự , quan hệ lao động, phân công nhân sự.

➤ **Phòng kinh doanh**

Là bộ phận tham mưu , giúp việc cho Tổng giám đốc về công tác bán các sản phẩm và dịch vụ của công ty , công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm , phát triển thị trường , công tác xây dựng và phát triển mối quan hệ khách hàng . Chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về các hoạt động đó trong nhiệm vụ , thẩm quyền được giao .

2.1.3.2 Tổ chức công tác kế toán ở Công ty :

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Bộ máy có ý nghĩa quan trọng trong quá trình thu thập, xử lý, cung cấp thông tin cho doanh nghiệp. Giúp doanh nghiệp xem xét, kinh doanh các mặt hàng phù hợp. Nhờ đó doanh nghiệp có thể phân tích, đánh giá, lựa chọn các phương án đầu tư sao cho có hiệu quả nhất.



Sơ đồ 2.3 : Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Chức năng , nhiệm vụ của từng bộ phận kế toán.

▪ **Kế toán trưởng (kế toán tổng hợp)**

- Người đứng đầu phòng tài chính kế toán chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về những thông tin kế toán cung cấp, phân công trách nhiệm và chỉ đạo nhiệm vụ cho nhân viên kế toán thực hiện các chứng từ, báo cáo.

- Có chức năng tổng hợp các dữ liệu mà kế toán phân hành và thủ quỹ đưa lên. Theo dõi đầy đủ số tài sản hiện có, tình hình biến động vốn, tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tình hình tăng giảm tài sản cố định, các chi phí phát sinh trong doanh nghiệp.

▪ **Kế toán kho và thủ quỹ**

- Có trách nhiệm quản lý thống kê, theo dõi kho nhập, xuất, tồn. Kiểm tra, đối chiếu từng chủng loại hàng hóa. Hàng tháng tiến hành lập báo cáo nhập, xuất, tồn.

- Quản lý quỹ, thu chi tiền mặt, kiểm kê, kiểm tra sổ quỹ tồn quỹ tiền và phản ánh chính xác kịp thời, đầy đủ số liệu hiện có, tình hình biến động vốn bằng tiền trong công ty.

- Bảo quản, lưu trữ các chứng từ gốc, cung cấp dữ liệu cho kế toán thanh toán ghi sổ.

▪ **Kế toán thuế**

Hạch toán các nghiệp vụ, chứng từ liên quan tới thuế, hàng tháng lập báo cáo thuế, theo dõi tình hình nộp ngân sách.

▪ **Kế toán bán hàng**

Chịu trách nhiệm thực hiện các nghiệp vụ bán hàng phát sinh tại công ty, làm báo giá, hợp đồng, đốc thúc công nợ, cập nhật giá cả, sản phẩm mới, quản lý sổ sách, chứng từ liên quan đến bán hàng của công ty.

2.1.4. Hình thức kế toán, chế độ chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty.

2.1.4.1 .Hình thức kế toán:

- Công ty áp dụng hình thức kế toán: theo **hình thức Nhật ký chung**

- Chế độ kế toán công ty áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ do Bộ Tài chính ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.

- Phương pháp khấu hao TSCD đang áp dụng : Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

- Tính giá vốn hàng xuất kho: Phương pháp nhập trước xuất trước

- Phương pháp hạch toán kế toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.

2.1.4.2 Hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán *Nhật ký chung*.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung dựa trên các chứng từ kế toán : hóa đơn , phiếu thu, phiếu chi..., theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hệ thống sổ sách mà Công ty đang sử dụng bao gồm:

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong

- Doanh thu là tổng các giá trị kinh tế mà công ty thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động kinh doanh góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- Doanh thu bán hàng có thể thu tiền ngay, cũng có thể chưa thu được (do các thỏa thuận về thanh toán bán hàng) nhưng đã được khách hàng chấp thuận thanh toán thì đều được ghi nhận là doanh thu.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty trong năm chủ yếu từ việc buôn bán ô tô , xe máy .

2.2.1.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán : Phiếu thu , giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan

2.2.1.2. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng

➤ Tài khoản sử dụng :

TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Ngoài ra còn các tài khoản liên quan:

TK 333- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

TK 131- Phải thu của khách hàng

TK 111- Tiền mặt

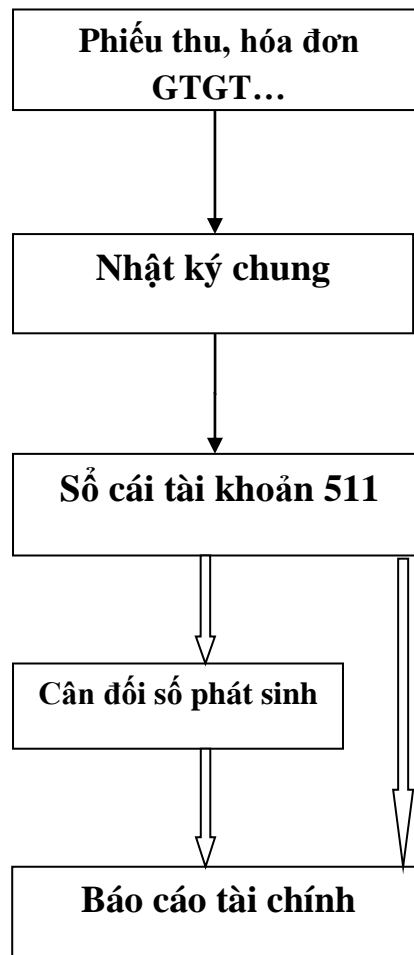
TK 112- tiền gửi ngân hàng

➤ Sổ sách sử dụng :

Sổ Nhật ký chung

Sổ cái các tài khoản

Sơ đồ 2.5: Trình tự kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi định kỳ: \Longrightarrow

Ví dụ minh họa :

Ví dụ 2.1 : Ngày 22/12/2016 , bán xe máy AriBlade F1-4 cho khách hàng , giá bán là 35.000.000 đồng (chưa gồm VAT 10%) , đã thu bằng tiền mặt .

Định khoản : a) Nợ TK 632 : 34.727.273

Có TK 156 : 34.727.273

b) Nợ TK 111 : 38.500.000

Có TK 511 : 35.000.000

Có TK 3331 : 3.500.000

Biểu số 1 :HĐGTGT số 0000819

HOÁ ĐƠN			Mẫu số:		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			01 GTKT3/001		
Liên 3 : Nội bộ			Ký hiệu: AA/15P		
Ngày 22 tháng 12 năm 2016			Số: 0000819		
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong					
Mã số thuế: 0201205254					
Địa chỉ: số 5A, Phạm Văn Đồng, P.Anh Dũng, Q. Dương Kinh, Hải Phòng.					
Điện thoại: ...0313633838.....					
Số tài khoản:.....					
Họ tên người mua hàng: Phạm Thị Hạnh					
Tên đơn vị:					
Mã số thuế:.....					
Địa chỉ: Quyết Tiến – Hợp Đức – Đồ Sơn – Hải Phòng					
Hình thức thanh toán:TM....; Số tài khoản:.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Xe máy AirBlade F1-4	Chiếc	1	35.000.000	35.000.000
Cộng tiền hàng:					35.000.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			3.500000
Tổng cộng tiền thanh toán					38.500.000
Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng chẵn					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên) (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

(Nguồn số liệu : Phòng kế toán Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong)

Biểu số2: Phiếu thu

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong Địa chỉ: Số 5A đường Phạm Văn Đồng – Phường An Dũng – Quận Kinh Dương – Hải Phòng	Mẫu số: 01 – TT (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC) Quyền số: Số: PT00330 Nợ 1111:38.500.000 Có 511: 35.000.000 Có 3331: 3.500.000			
<p>PHIẾU THU Ngày 22 tháng 12 năm 2016.</p>				
Họ và tên người nộp tiền: Phạm Thị Hạnh Địa chỉ: Quyết Tiến - Hợp Đức - Đồ Sơn - Hải Phòng Lý do nộp: Bán xe AirBlade Số tiền: 38.500.000 (Viết bằng chữ): Ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng chẵn Kèm theo: HĐ 0000819 Chứng từ gốc				
Ngày 22 tháng 12 năm 2016				
Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nộp tiền (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu : Phòng kế toán Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong)

Ví dụ 2.2 : Ngày 5/12/2016 sửa chữa xe SH Mode cho khách hàng tổng số tiền là 2.387.000đ (bao gồm thuế VAT 10%) đã thu bằng tiền mặt.

Định khoản :

Nợ TK 111: 2.387.000

Có TK 511: 2.170.000

Có TK 3331: 217.000

Biểu số 3: Bảng kê

Bảng kê báo giá dịch vụ bảo hành , sửa chữa

Ngày 5 tháng 12 năm 2016

Kèm theo hóa đơn số 0000802 ngày 5/12/2016

Đơn vị bán hàng : Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong

Địa chỉ: Số 5A đường Phạm Văn Đồng – Phường An Dũng – Quận Kinh Dương – Hải Phòng

Đơn vị mua hàng : Nguyễn Quỳnh Trang

Địa chỉ: Tổ 10 Hòa Nghĩa – Dương Kinh – Hải Phòng

STT	Tên hàng hoá , dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thay giảm sóc sau (1 đôi)	Đôi	1	1.550.000	1.550.000
2	Thay dây ga	Cái	1	120.000	120.000
3	Thay dầu giảm sóc	Chai	1	150.000	150.000
4	Thay pha đèn	Cái	1	150.000	150.000
5	Chi phí bảo dưỡng	Xe	1	200.000	200.000
	Cộng tổng				2.170.000 (chưa có thuế VAT 10%)

(Nguồn số liệu : Phòng kế toán Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong)

Biểu số 4 : HĐ GTGT 0000802

<p>HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3 : Nội bộ Ngày 5 tháng 12 năm 2016</p>	<p>Mẫu số: 01 GTKT3/001 Ký hiệu: AA/15P Số: 0000802</p>																																				
<p>Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong Mã số thuế: 0201205254 Địa chỉ: số 5A, Phạm Văn Đồng, P.Anh Dũng, Q. Dương Kinh, Hải Phòng. Điện thoại: ...0313633838..... Số tài khoản:.....</p>																																					
<p>Họ tên người mua hàng: Nguyễn Quỳnh Trang Tên đơn vị: Mã số thuế:..... Địa chỉ: Tổ 10 Hòa Nghĩa – Dương Kinh – Hải Phòng Hình thức thanh toán:TM....; Số tài khoản:.....</p>																																					
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 10%;">STT</th> <th style="width: 35%;">Tên hàng hoá, dịch vụ</th> <th style="width: 15%;">Đơn vị tính</th> <th style="width: 10%;">Số lượng</th> <th style="width: 15%;">Đơn giá</th> <th style="width: 15%;">Thành tiền</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;">A</td> <td style="text-align: center;">B</td> <td style="text-align: center;">C</td> <td style="text-align: center;">1</td> <td style="text-align: center;">2</td> <td style="text-align: center;">3 = 1 x 2</td> </tr> <tr> <td></td> <td>Sửa xe SH Mode cho khách hàng</td> <td style="text-align: center;">Chiếc</td> <td style="text-align: center;">1</td> <td style="text-align: right;">2.170.000</td> <td style="text-align: right;">2.170.000</td> </tr> <tr> <td colspan="5" style="text-align: right;">Cộng tiền hàng:</td> <td style="text-align: right;">2.170.000</td> </tr> <tr> <td colspan="4" style="text-align: right;">Thuế suất GTGT: 10%</td> <td style="text-align: right;">Tiền thuế GTGT:</td> <td style="text-align: right;">217.000</td> </tr> <tr> <td colspan="5" style="text-align: right;">Tổng cộng tiền thanh toán</td> <td style="text-align: right;">2.387.000</td> </tr> </tbody> </table>	STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	A	B	C	1	2	3 = 1 x 2		Sửa xe SH Mode cho khách hàng	Chiếc	1	2.170.000	2.170.000	Cộng tiền hàng:					2.170.000	Thuế suất GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT:	217.000	Tổng cộng tiền thanh toán					2.387.000	
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền																																
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2																																
	Sửa xe SH Mode cho khách hàng	Chiếc	1	2.170.000	2.170.000																																
Cộng tiền hàng:					2.170.000																																
Thuế suất GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT:	217.000																																
Tổng cộng tiền thanh toán					2.387.000																																
<p>Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn đồng .</p>																																					
<p>Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)</p>	<p>Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)</p>	<p>Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</p>																																			
<p>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)</p>																																					

(Nguồn số liệu : Phòng kế toán Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong)

Biểu số 5: Phiếu thu

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong Địa chỉ: Số 5A đường Phạm Văn Đồng – Phường An Dũng – Quận Kinh Dương – Hải Phòng	Mẫu số: 01 – TT (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC) Quyền số: Số: PT00318 Nợ 1111: 2.387.000 Có 511: 2.170.000 Có 3331: 217.000			
<p>PHIẾU THU <i>Ngày 5 tháng 12 năm 2016.</i></p>				
Họ và tên người nộp tiền: Nguyễn Quỳnh Trang Địa chỉ: Tổ 10 Hòa Nghĩa – Dương Kinh – Hải Phòng Lý do nộp: Sửa xe SH Mode cho khách hàng Số tiền: 2.387.000 (Viết bằng chữ): Hai triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn đồng Kèm theo: HĐ 0000802 Chứng từ gốc <p style="text-align: right;"><i>Ngày 5 tháng 12 năm 2016</i></p>				
Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nộp tiền (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu : Phòng kế toán Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong)

Căn cứ vào Phiếu thu (biểu số 2) , bảng kê dịch vụ sửa chữa (biểu số 3) , phiếu thu (biểu số 5) , kế toán ghi sổ Nhật ký chung (biểu số 6) . Từ sổ Nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 511(biểu số 7). Cuối kỳ căn cứ vào sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính.

Biểu số 6: Trích sổ Nhật ký chung năm 2016

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong

(Mẫu số S03a-DNN

Địa chỉ: số 5A, Phạm Văn Đồng, P.Anh Dũng,

Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ-BTC

Q. Dương Kinh, Hải Phòng.

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
.....
PT 318	5/12	Doanh thu sửa chữa xe SH Mode	1111	2.387.000	
			511		2.170.000
			3331		217.000
				
PX 306	22/12	Giá vốn bán xe máy AirBlade F1-4	632	34.727.273	
			156		34.727.273
PT 330	22/12	Bán xe máy AirbladeF1-4	1111	38.500.000	
			511		35.000.000
			3331		3.500.000
.....
		Cộng phát sinh		58.320.864.704	58.320.864.704

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu : Phòng kế toán Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong)

Biểu số 7 :Trích Sổ cái 511 năm 2016

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong.

Mẫu số: S03b – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Địa chỉ:số 5A, Phạm Văn Đồng, P.Anh
Dũng, Q. Dương Kinh, Hải Phòng.

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm:2016

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu:511

Đơn vị tính: Đồng

NT Ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK Đ/U	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
...
5/12	PT 318	5/12	Sửa chữa xe SH Mode	1111		2.170.000
....
22/12	PT 330	22/12	Bán xe máy AirBlade F1- 4	1111		35.000.000
....
31/12	PKT 31	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911	9.140.790.008	
			Cộng số phát sinh		9.140.790.008	9.140.790.008
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu : Phòng kế toán Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong)

2.2.2 . Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong không có các khoản giảm trừ doanh thu do :

- Công ty không áp dụng chính sách chiết khấu thương mại.
- Sản phẩm của công ty tiêu thụ trong nước nên không chịu thuế xuất khẩu.
- Công ty không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

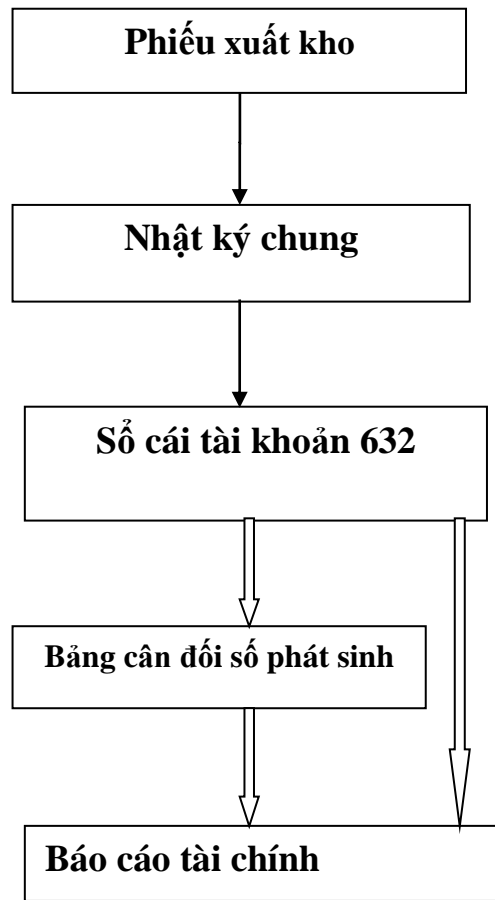
2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán

➤ Đặc điểm giá vốn hàng bán

Để xác định giá vốn hàng bán , công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên , sử dụng phương pháp nhập trước xuất trước . Theo phương pháp này , lô hàng nào nhập trước sẽ được ưu tiên xuất trước . Trị giá thực tế của hàng xuất kho sẽ được tính đúng theo giá trị thực tế nhập kho của những lô hàng được ưu tiên trước đó.

- Chứng từ kế toán sử dụng .
 - Phiếu xuất kho
 - Các chứng từ khác có liên quan
- Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng
 - TK 632 : giá vốn hàng bán
 - Các TK có liên quan khác
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái TK 632

Sơ đồ 2.6: Trình tự kế toán giá vốn hàng bán



Ghi chú :

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi định kỳ: \Longrightarrow

Ví dụ 2.3: Ngày 21 /12/2016 , bán xe máy AirBlade F1-4 cho khách hàng giá vốn là 34.727.273 đồng , giá bán là 35.000.000 đồng (chưa thuế 10%) đã thu bằng tiền mặt .

Định khoản :

1. Nợ TK 632 : 34.727.273	2. Nợ TK 1111 : 38.5000.000
Có TK 156 : 34.727.273	Có TK 511 : 35.000.000
	Có TK 3331 : 3.500.000

Biểu số 8: Phiếu Xuất Kho

Đơn vị: Công ty ô tô xe
máy Thuận Phong

PHIẾU XUẤT KHO

Mẫu số 02-VT

Địa chỉ: số 5A, Phạm Văn
Đồng, P. Anh Dũng, Q.
Dương Kinh, Hải Phòng

Ngày 21 tháng 12 năm 2016
Số:PX 00301

(Ban hành theo QĐ số:
48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ
trưởng BTC)

Nợ TK 632

CóTK 156

Họ và tên nhận hàng: Đặng Ngọc Long

Địa chỉ : Số 23 Khu 5 tầng – Tô Hiệu – Hồ Nam – Lê Chân – Hải Phòng

Lý do xuất kho: Bán xe máy AirBlabe F1- 4

Xuất tại kho: hàng hóa

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Xe máy AirBlade F1-4	4	Chiếc	1	1	34.727.273	34.727.273
	Cộng			1	1		34.727.273

-Tổng số tiền (viết bằng chữ): Ba mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm bảy mươi ba đồng

- Số chứng từ gốc kèm theo : HĐ 0000814

Ngày 21 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu
(họ và tên)

Người nhận hàng
(họ và tên)

Thủ kho
(họ và tên)

Kế toán trưởng
(họ và tên)

Giám đốc
(họ và tên)

Căn cứ vào phiếu xuất kho (biểu số 8) , kế toán ghi sổ Nhật ký chung (biểu số 9) . Từ sổ Nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 632 (biểu số 10). Cuối kỳ căn cứ vào sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính .

Biểu số 9 : Trích sổ Nhật ký chung năm 2016

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô xe máy

Mẫu số: S03a – DNN

Thuận Phong

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Địa chỉ: số 5A, Phạm Văn Đồng, P.Anh

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Dũng, Q.Dương Kinh, Hải Phòng.

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có

21/12	PX 301	21/12	Giá vốn bán xe máy AirBlade	632	34.727.273	
				156		34.727.273
21/12	PT 325	21/12	Bán xe máy AirBlade F1-4 đã thu bằng tiền mặt	1111	38.500.000	
				511		35.000.000
				3331		35.000.000
	
29/12	PX 309	29/12	Giá vốn bán xe máy VIETTHAI	632	7.454.545	
				156		7.454.545
29/12	PT 333	29/12	Bán xe VIETTHAI, đã thu bằng tiền mặt	1111	8.500.000	
				511		7.727.273
				3331		772.727

			Cộng phát sinh		58.320.864.704	58.320.864.704

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu : Phòng kế toán Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong)

Biểu số 10 :Trích Sổ cái 632 năm 2016

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô xe máy
Thuận Phong

Mẫu số: S03b – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Địa chỉ:số 5A, Phạm Văn Đồng,
P.Anh Dũng, Q. Dương Kinh, Hải
Phòng.

SỔ CÁI

Năm:2016

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu:632

Đơn vị tính: Đồng

NT Ghi số	Chứng từ ghi số		Diễn giải	SH TK Đ/U'	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...
21/12	PX301	21/12	Bán xe máy AirBlade F1-4	156	34.727.273	
					
29/12	PX309	29/12	Bán xe máy Việt Thái	156	7.454.545	
....		
31/12	PKT32	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		8.511.738.470
			Cộng số phát sinh		8.511.738.470	8.511.738.470
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu : Phòng kế toán Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong)

2.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.

Chi phí quản lý kinh doanh là các chi phí phát sinh có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý kinh doanh gồm các khoản sau:

- Chi phí nhân viên quản lý
- Chi phí khấu hao TSCĐ.
- Thuế, phí, lệ phí,...
- Chi phí dự phòng.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài như: chi phí điện nước, điện thoại, tiếp khách...

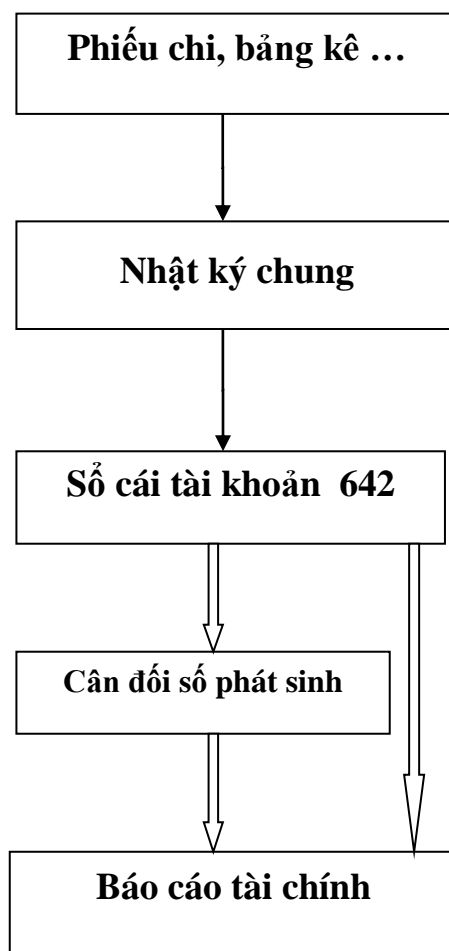
2.2.4.1. Chứng từ kế toán sử dụng.

- Phiếu chi.
- Giấy báo nợ
- Hóa đơn GTGT.
- Bảng phân bổ khấu hao, bảng thanh toán lương,...
- Các chứng từ khác liên quan

2.2.4.2. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng.

- TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh.
- Các tài khoản liên quan: TK 111, 112, 131, 133,...
- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 642 và các sổ sách có liên quan.

Sơ đồ 2.7 : Trình tự kế toán chi phí quản lý kinh doanh



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi định kỳ: \Longrightarrow

Ví dụ 2.4 : Ngày 01-12-2016 Công ty thanh toán cước điện thoại cho Tập đoàn viễn thông quân đội Viettel đã trả bằng tiền mặt với giá trị là 405.226 (bao gồm thuế VAT 10%)

ĐK : Nợ TK 642 : 368.387

 Nợ TK 1333 : 36.839

 Có TK 1111: 405 .226

Biểu số 11: Hóa đơn 6018383 dịch vụ viễn thông



Mẫu số: 01GTKT0/005

TẬP ĐOÀN VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG(GTGT)

Ký hiệu: AG/15T

Số 1, đường Trần Hữu Dục, P.Mỹ Đình, Q. Nam Từ Liên, Hà Nội

Số: 6018383

Mã số thuế:0100109106

Liên 2: Giao khách hàng

Ngày lập:1/12/2015

Số TK:

Tại NH:

Đơn vị thu: CN Viettel- Tập đoàn viễn thông quân đội

Tên khách hàng:

MST: 0201205254

Tên đơn vị: Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong

Địa chỉ: số 5A, Phạm Văn Đồng, P.Anh Dũng, Q. Dương Kinh, Hải Phòng.

Số thuê bao: 989061289

Kỳ cước: Tháng 11

Số hợp đồng: 02431/1100028004/26102011
 thanh toán: Tiền mặt

Hình thức

STT	DIỄN GIẢI	MÃ DV	TIỀN DỊCH VỤ	THUẾ SUẤT(%)	TIỀN THUẾ	CỘNG
a	b	c	1	2	3=1x2	4=1+3
1	DV di động	M	368.387	10	36.839	405.226
CỘNG			368.387		36.839	405.226
TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN						
SỐ TIỀN VIỆT BẰNG CHỮ: BỐN TRĂM LINH NĂM NGHÌN HAI TRĂM HAI SÁU ĐỒNG.						

Biểu số 12: Phiếu chi

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong Địa chỉ: Số 5A đường Phạm Văn Đồng – Phường An Dũng – Quận Kinh Dương – Hải Phòng	<p style="text-align: center;">Mẫu số: 02 – TT</p> (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)			
<p>PHIẾU CHI</p> <p><i>Ngày 01 tháng 12 năm 2016.</i></p>				
Quyền số: Số: PC00060 Nợ 642:368.387 Nợ 1331: 36.839 Có 1111: 405.226				
Họ và tên người nhận tiền: CN Viettel HP- Tập đoàn viễn thông quân đội Địa chỉ: Số 1 Trần Hữu Dục , p Mỹ Đình 2, q. Nam Từ Liêm , Hà Nội Lý do chi : Thanh toán cước điện thoại Số tiền: 405.226 VND (Viết bằng chữ): Bốn trăm linh năm nghìn hai trăm hai mươi sáu đồng Kèm theo: HĐ 6018383 Chứng từ gốc				
<p><i>Ngày 01 tháng 12 năm 2016</i></p>				
Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nộp tiền (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu : Phòng kế toán Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong)

Ví dụ 2.5 : Ngày 1/10/2016 công ty mua 1 điều hòa Samsung 2 chiều AR18JPFNSW phục vụ cho văn phòng , số tiền 12.100.000 (cả VAT 10%) , thanh toán ngay bằng tiền mặt . Kế toán trưởng dự kiến phân bổ trong vòng 48 tháng .

Định khoản

- a) Nợ TK 242 : 11.000.000
- Nợ TK 133 : 1.100.000
- Có TK 111 : 12.100.000

Biểu số 13 : HĐGTGT số 0007960

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: AA/15P		
Liên 2:Giao cho khách hàng.			Số: 0007960		
Ngày 01 tháng 10 năm 2016					
Đơn vị bán hàng: Siêu thị điện máy xanh					
Mã số thuế:					
Địa chỉ: Số 263 Trần Nguyên Hãn , P. Trần Nguyên Hãn , Q. Lê Chân , TP. Hải Phòng					
Điện thoại: 0439749797					
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong					
Mã số thuế: 0201205254					
Địa chỉ: Số 5A đường Phạm Văn Đồng , P Anh Dũng , Q.Dương Kinh , Hải Phòng					
Hình thức thanh toán:TM....; Số tài khoản:.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Mua điều hòa Samsung 2 chiều AR18JPFNSW	Chiếc	1	11.000.000	11.000.000
Cộng tiền hàng:					11.000.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			1.100.000
Tổng cộng tiền thanh toán					12.100.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười hai triệu một trăm nghìn đồng					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

(Nguồn số liệu : Phòng kế toán Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong)

Biểu số 14: Phiếu chi

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong Địa chỉ: Số 5A đường Phạm Văn Đồng – Phường An Dũng – Quận Kinh Dương – Hải Phòng	Mẫu số: 02 – TT (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC) Quyển số: Số: PC00046 a) Nợ 242:11.000.000 Nợ 1331: 1.100.000 Có 111: 12.100.000 b) Nợ 642: 687.500 Có 242: 687.500			
PHIẾU CHI Ngày 01 tháng 10 năm 2016.				
Họ và tên người nhận tiền: Siêu thị điện máy xanh Địa chỉ: Số 263 Trần Nguyên Hãn , P. Trần Nguyên Hãn , Q. Lê Chân , TP. Hải Phòng Lý do chi : Thanh toán tiền mua điều hòa Samsung 2 chiều AR18JPFNSW Số tiền: 12.100.000 (Viết bằng chữ): Mười hai triệu một trăm nghìn đồng Kèm theo: HĐ 0007960 Chứng từ gốc				
Ngày 01 tháng 10 năm 2016				
Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nộp tiền (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu : Phòng kế toán Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong)

Biểu số 15 : Bảng phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Tháng 10 năm 2016

STT	Tên CCDC	Ngày tính phân bổ	BPSD	Giá trị	Thời gian phân bổ (tháng)	Mức phân bổ trong kỳ 642	Giá trị còn lại
...		
10	Điều hòa Samsung 2 chiều AR18JPFNSW	01/10/2016	Vãn phòng	11.000.000	48	229.167	10.770.833
	
	Tổng			58.288.556		3.643.035	54.645.521

Ngày 31 tháng 10 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu : Phòng kế toán Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong)

Căn cứ vào phiếu chi (biểu số 12) , phiếu chi (biểu số 14) ,bảng phân bổ chi phí trả trước dài hạn (biểu số 15) , kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 16). Từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 642(biểu số 17). Cuối kỳ căn cứ vào số liệu trên sổ cái 642 kế toán lập bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính.

Biểu số 16: Trích sổ Nhật ký chung năm 2016

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong

Mẫu số S03a-DNN

Địa chỉ:số 5A, Phạm Văn Đồng, P.Anh Dũng,

Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ-BTC

Q.Dương Kinh, Hải Phòng

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
.....
PC 46	01/10	Thanh toán tiền mua điều hòa Samsung 2 chiều AR18JPFNSW	242	11.000.000	
			133	1.100.000	
			111		12.100.000
...		
BPB CPTT	31/10	Bảng phân bổ chi phí trả trước T10	642	3.643.035	
			242		3.643.035
...		
PC 60	01/12	Thanh toán tiền cước điện thoại cho tập đoàn viễn thông quân đội	642	368.387	
			133	36.839	
			1111		405.226
.....
		Cộng phát sinh		58.320.864.704	58.320.864.704

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu : Phòng kế toán Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong)

Biểu số 17 :Trích Sổ cái 642 năm 2016

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong

Mẫu số: S03b – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Địa chỉ:số 5A, Phạm Văn Đồng, P.Anh Dũng,
Q.Dương Kinh, Hải Phòng.

SỔ CÁI

Năm:2016

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu:642

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK Đ/U	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
...		
31/10	BPB CPTT	01/10	Bảng phân bổ chi phí trả trước T10	242	3.643.035	
...		
01/12	PC60	01/12	Thanh toán cước điện thoại	111	368.387	
...					
31/12	PKT 32	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh			300.394.636
			Cộng số phát sinh		300.394.636	300.394.636
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu : Phòng kế toán Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong)

2.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

2.2.5.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu tài chính của công ty chủ yếu là : Lãi tiền gửi ngân hàng

➤ Chứng từ kế toán sử dụng:

- Chứng từ giao dịch của ngân hàng , giấy báo Có

➤ Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng:

- Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.
- Sổ nhật ký chung.
- Sổ cái TK 515 và các sổ sách liên quan khác.

Ví dụ 2.6: Lãi tiền gửi tháng 12 năm 2016

Định khoản:

Nợ TK 1121:86.800

Có TK 515 : 86.800

Biểu số 18: Giấy báo có



GIẤY BÁO CÓ

Mẫu số: 01GTKT2/004

Liên 2: Giao khách hàng

Ký hiệu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tên khách hàng: Công ty TNHH ô tô xe máy

Số tài khoản: 2114201003925

Thuận Phong

Loại tiền: VNĐ

Địa chỉ: số 5A, Phạm Văn Đồng, P.Anh Dũng,
Q.Dương Kinh, Hải Phòng.

Loại tài khoản: tiền gửi thanh toán

Mã số thuế: 0201205254

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Lãi tiền gửi tháng 12	86.800
Tổng	86.800

Số tiền bằng chữ: Tám mươi sáu nghìn tám trăm đồng

Lập phiếu

Kiểm soát

Kê toán trưởng

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(Nguồn số liệu : Phòng kế toán Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong)

2.2.5.2. Kế toán chi phí tài chính .

- Chứng từ sử dụng :
 - Chứng từ giao dịch của ngân hàng , giấy báo nợ
- Tài khoản và sổ sách sử dụng :
 - TK 635 – Chi phí tài chính
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái TK 635 và các sổ sách liên quan khác .

Ví dụ 2.7: Ngày 15/12/2016 trả phí chuyển tiền ở ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Hải An , số tiền 198.909 đồng

Định khoản: Nợ TK 635: 198.905

Có TK 1121 : 198.905

Biểu số 19: Giấy báo nợ



GIẤY BÁO NỢ

Mẫu số: 01GTKT2/004

Liên 2: Giao khách

Ký hiệu:

hàng

Ngày 15 tháng 12 năm 2016

Tên khách hàng: Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong

Số tài khoản: 2114201003925

Loại tiền: VNĐ

Địa chỉ: số 5A, Phạm Văn Đồng, P.Anh Dũng, Q.Dương Kinh, Hải Phòng.

Loại tài khoản: Tiền gửi thanh toán

Mã số thuế: 0201205254

Chúng tôi xin thông báo đã ghi nợ tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Trả phí chuyển tiền	198.905
Tổng	198.905

Số tiền bằng chữ: Một trăm chín mươi tám nghìn chín trăm linh năm đồng

Lập phiếu
(ký, họ tên)

Kiểm soát
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

(Nguồn số liệu : Phòng kế toán Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong)

Căn cứ vào Giấy báo có (biểu số 18) , Giấy báo nợ (biểu số 19) ,kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 20). Từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 515 (biểu số 21), sổ cái TK 635(biểu số 22). Cuối kỳ căn cứ vào số liệu trên sổ cái 515 kế toán lập bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính.

Biểu số 20 :Trích sổ Nhật ký chung năm 2016

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong

(Mẫu số S03a-DNN

Địa chỉ:số 5A, Phạm Văn Đồng, P.Anh Dũng,

Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ-BTC

Q. Dương Kinh, Hải Phòng.

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có

15/12	GBN 0024	15/12	Phí chuyển tiền	635 1121	198.905	198.905

31/12	GBC 0024	31/12	Lãi tiền gửi T12 ngân hàng NN&PTNT Hải An	1121 515	86.800	86.800
					
			Cộng phát sinh		58.320.864.704	58.320.864.704

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu : Phòng kế toán Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong)

Biểu số 21 :Trích Sổ cái 515 năm 2016

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong

Mẫu số: S03a – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Địa chỉ: số 5A, Phạm Văn Đồng, P.Anh
Dũng, Q. Dương Kinh, Hải Phòng.

SỔ CÁI

Năm:2016

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Đơn vị tính: Đồng

NT Ghi số	Chứng từ ghi số		Diễn giải	SH TK Đ/U'	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
...
30/6	GBC 0015	30/6	Lãi tiền gửi T6 ngân hàng TMCP Đông Nam Á	1121		10.342
...
30/11	GBC 0024	30/11	Lãi tiền gửi T11 ngân hàng NN&PTNT Hải An	1121		86.800
		
31/12	PKT 31	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	2.395.028	
			Cộng số phát sinh		2.395.028	2.395.028
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu : Phòng kế toán Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong)

Biểu số 22 :Trích Sổ cái 635 năm 2016

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong

Mẫu số: S03a – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Địa chỉ: số 5A, Phạm Văn Đồng, P.Anh
Dũng, Q. Dương Kinh, Hải Phòng.

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm:2016

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu: 635

Đơn vị tính: Đồng

NT Ghi số	Chứng từ ghi số		Diễn giải	SH TK Đ/U'	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
...		
10/12	GBN 0022	10/12	Phí SMS	1121	44.000	
...		
15/12	GBN 0024	15/12	Phí chuyển tiền	1121	198.905	
					
31/12	PKT 32	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính			7.945.762
			Cộng số phát sinh		7.945.762	7.945.762
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu : Phòng kế toán Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong)

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

2.2.6.1. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận phong xác định kết quả kinh doanh vào cuối kỳ kế toán. Công thức xác định kết quả kinh doanh của công ty.

$$\text{Kết quả kinh doanh} = \text{Kết quả hoạt động kinh doanh} + \text{Kết quả hoạt động khác}$$

Trong đó:

Kết quả hoạt động kinh doanh:

$$\text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} = \text{Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ} + \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính} - \text{Chi phí quản lý kinh doanh}$$

$$\text{Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Giá vốn hàng bán}$$

Kết quả hoạt động khác:

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

2.2.7.2: Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng.

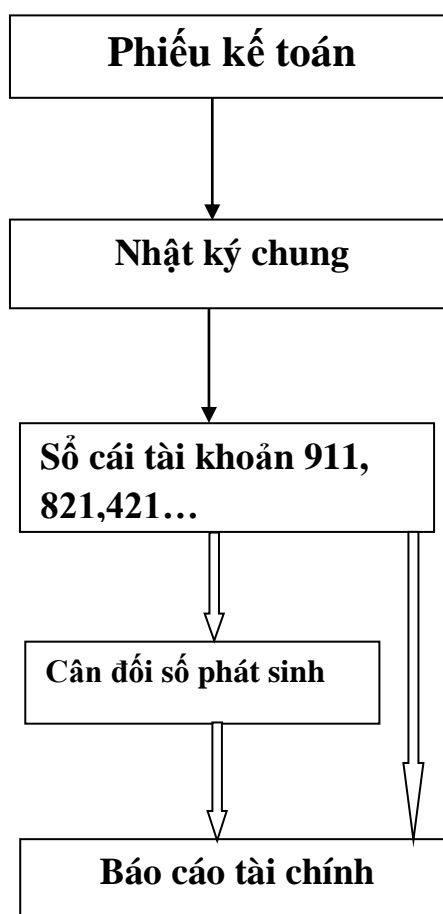
Chứng từ sử dụng: Phiếu kế toán.

Tài khoản sử dụng:

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh.
- TK 821: Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
- TK 4212: Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

Sổ sách sử dụng: Sổ cái TK 911, 821, 4212...

Sơ đồ 2.7: Trình tự kế toán xác định kết quả kinh doanh



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi định kỳ: \Longrightarrow

Ví dụ 2.8 : Xác định kết quả kinh doanh năm 2016

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ :	9.140.790.008
- Giá vốn hàng bán :	8.511.738.470
- Doanh thu hoạt động tài chính :	2.395.028
- Chi phí tài chính:	7.945.762
- Chi phí quản lý kinh doanh:	285.394.636

❖ Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ

$$= 9.140.790.008 - 8.511.738.470 = 629.051.538$$

- ❖ **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** = 629.051.538 + 2.395.028 – 7.945.762 – 300.394.636 = 323.106.168
- ❖ **Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế** = 323.106.168 – 64.621.234 = 258.484.934

Để kết chuyển các khoản doanh thu , chi phí , xác định kết quả kinh doanh , kế toán tiến hành lập các phiếu kế toán số

Từ phiếu kế toán ghi sổ nhật ký chung (biểu số 31) sau đó từ sổ Nhật ký chung phản ánh sổ cái TK 911 (biểu số 32) , sổ cái TK 821 (biểu số 33) , sổ cái TK 421 (biểu số 34)

Biểu số 23 :Trích phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong.

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – tự do – hạnh phúc

-----***-----

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 31

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	9.140.790.008
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	2.395.028
	Cộng			9.143.185.036

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu : Phòng kế toán Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong)

Biểu số 25 :Trích phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong.

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – tự do – hạnh phúc

-----***-----

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 32

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	8.511.738.470
2	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	7.945.762
2	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	300.394.636
	Cộng			8.820.078.868

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu : Phòng kế toán Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong)

Biểu số 28 : Trích phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong.

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – tự do – hạnh phúc

-----***-----

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 33

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Xác định chi phí thuế TNDN	821	3334	64.621.234
	Cộng			64.621.234

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu : Phòng kế toán Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong)

Biểu số 29: Trích phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong.

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – tự do – hạnh phúc

-----***-----

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 34

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	64.621.234
	Cộng			64.621.234

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)
(Nguồn số liệu : Phòng kế toán Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong)		

Biểu số 30 : Trích phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong.

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – tự do – hạnh phúc

-----***-----

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 35

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển lãi	911	421	258.484.934
	Cộng			258.484.934

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)
(Nguồn số liệu : Phòng kế toán Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong)		

Biểu số 31 :Trích sổ Nhật ký chung năm 2016

(Mẫu số S03a-DNN

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong

Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ-BTC

Địa chỉ:số 5A, Phạm Văn Đồng, P.Anh Dũng,

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Q.Dương Kinh, Hải Phòng.

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có

31/12	PKT 31	31/12	Kết chuyển DTBH	511	9.140.790.008	
				911		9.140.790.008
31/12	PKT 31	31/12	Kết chuyển DT HĐTC	515	2.395.028	
				911		2.395.028
31/12	PKT 32	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	8.511.738.470	
				632		8.511.738.470
31/12	PKT 32	31/12	Kết chuyển CPTC	911	7.945.762	
				635		7.945.762
31/12	PKT 32	31/12	Kết chuyển CPQLDN	911	300.394.636	
				642		300.394.636
31/12	PKT 33	31/12	CP thuế TNDN	821	64.621.234	
				3334		64.621.234
31/12	PKT 34	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	911	64.621.234	
				821		64.621.234
31/12	PKT 35	31/12	Kết chuyển lãi	911	258.484.934	
				421		258.484.934
			Cộng phát sinh		58.256.243.470	58.256.243.470

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu : Phòng kế toán Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong)

Biểu số 32: Sổ cái 821 năm 2016

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong

Mẫu số: S03a – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC)

Địa chỉ: số 5A, Phạm Văn Đồng, P.Anh
Dũng, Q. Dương Kinh, Hải Phòng.

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm:2016

Tên tài khoản: Chi phí thuế TNDN

Số hiệu: 821

Đơn vị tính: Đồng

NT Ghi số	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK Đ/U	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
31/12	PKT33	31/12	Xác định thuế TNDN	3334	64.621.234	
31/12	PKT34	31/12	Kết chuyển CP thuế TNDN	911		64.621.234
			Cộng số phát sinh		64.621.234	64.621.234
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu : Phòng kế toán Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong)

Biểu số 33 : Sổ cái 421 năm 2016

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận

Mẫu số: S03a – DNN

Phong

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Địa chỉ: số 5A, Phạm Văn Đồng, P.Anh

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Dũng, Q. Dương Kinh, Hải Phòng.

SỔ CÁI

Năm:2016

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Đơn vị tính: Đồng

NT Ghi số	Chứng từ ghi số		Diễn giải	SH TK Đ/U'	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			<u>115.847.168</u>
....				
31/12	PKT35	31/12	Kết chuyển lãi	911		258.484.934
			Cộng số phát sinh		74.350.748	258.484.934
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			<u>299.981.354</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu : Phòng kế toán Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong)

Biểu số 34: Trích sổ cái 911

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong

Mẫu số: S03a – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Địa chỉ: số 5A, Phạm Văn Đồng, P.Anh Dũng, Q. Dương Kinh, Hải Phòng.

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản: 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Năm 2016

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			

31/12	PKT 31	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		9.140.790.008
31/12	PKT 31	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		2.395.028
31/12	PKT 32	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	8.511.738.470	
31/12	PKT 32	31/12	Kết chuyển CPTC	635	7.945.762	
31/12	PKT 32	31/12	Kết chuyển CPQLKD	642	300.394.636	
31/12	PKT 34	31/12	Kết chuyển CP thuế TNDN	821	64.621.234	
31/12	PKT 35	31/12	Kết chuyển lãi	421	258.484.934	
			Cộng phát sinh		9.143.185.036	9.143.185.036
			Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu : Phòng kế toán Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong)

Biểu số 35: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ- BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

Niên độ tài chính năm 2016

Mã số thuế: 0201205254

Người nộp thuế : Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã	TM	Số năm nay	Số năm trước
1	Doanh thu bán hàng và CCDV	01	IV.08	9.140.790.008	10.166.488.000
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3	Doanh thu thuần về BH và CCDV	10		9.140.790.008	10.166.488.000
4	Giá vốn hàng bán	11		8.511.738.470	9.703.954.550
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		629.051.538	462.533.450
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.395.028	1.259.986
7	Chi phí tài chính	22		7.945.762	11.059.664
	- Trong đó chi phí lãi vay	23		7.945.762	11.059.664
8	Chi phí quản lý kinh doanh	24		300.394.636	208.581.695
9	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	30		323.106.168	244.152.077
10	Thu nhập khác	31			
11	Chi phí khác	32			
12	Lợi nhuận khác	40			
13	Tổng LNKT trước thuế	50	IV.09	323.106.168	244.152.077
14	Chi phí thuế TNDN	51		64.621.234	48.830.415
15	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		258.484.934	195.321.662

Ngày...tháng... năm...

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu : Phòng kế toán Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong)

CHƯƠNG III:**CÁC GIẢI PHÁP NHẪM XÁC ĐỊNH CHÍNH XÁC KẾT QUẢ TỪNG HOẠT ĐỘNG TẠI CÔNG TY TNHH Ô TÔ XE MÁY THUẬN PHONG****3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong****3.1.1. Ưu điểm :**

Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong em đã hiểu biết thêm về thực tế tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp và có cơ hội đối chiếu với lý luận . Trong quá trình thực tập tại công ty, em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng có những ưu điểm sau:

❖ Về tổ chức bộ máy kế toán:

- Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong là một doanh nghiệp còn non trẻ nhưng trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh năm năm qua ban lãnh đạo và nhân viên trong công ty không ngừng cố gắng khắc phục những khó khăn để hoạt động kinh doanh có hiệu quả.

- Công ty áp dụng mô hình bộ máy kế toán tập trung, phù hợp với quy mô và đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty nên công việc được phân bổ đồng đều ở các khâu và kịp thời cập nhật số liệu kế toán.

- Kế toán là một bộ phận cấu thành lên hệ thống quản lý kế toán của công ty và là một bộ phận quan trọng quyết định sự thành bại trong kinh doanh. Vì vậy công ty sớm nhận thấy vai trò bộ máy kế toán trong việc quản lý, giám sát hoạt động kinh doanh, kế toán thường xuyên kiểm tra các chi phí phát sinh phát hiện các nghiệp vụ bất thường cần điều chỉnh lại và cho biết nguồn tài chính hiện tại của công ty, phản ánh lên sổ sách và nơi lưu trữ thông tin tài chính quan trọng.

❖ Về chứng từ kế toán và tài khoản sử dụng :

- Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kế toán và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng theo đúng mẫu của bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ chính xác với nghiệp vụ kế toán phát sinh. Các chứng từ được tổng hợp và lưu trữ, bảo quản cẩn thận. Quá trình luân chuyển một cách hợp lý.

- Công ty áp dụng hệ thống tài khoản theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính. Hệ thống tài khoản kế toán sử dụng tương đối đầy đủ.

❖ ***Về tổ chức hệ thống sổ kế toán :***

- Công ty mở đầy đủ sổ sách theo hình thức Nhật kí chung (Sổ nhật kí chung, Sổ cái, Sổ chi tiết....)

- Công ty áp dụng theo hình thức kế toán nhật kí chung, ưu điểm của hình thức này là khá đơn giản từ mẫu sổ sách đến cách thức vào sổ, thuận tiện cho phân công công việc, dễ dàng cho việc theo dõi kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa các sổ sách liên quan.

❖ ***Việc kiểm soát thông tin đảm bảo yêu cầu dễ tìm dễ thấy***

❖ ***Việc hạch toán quá trình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh.***

Việc hạch toán doanh thu, giá về cơ bản là đúng theo nguyên tắc chế độ hiện hành. Doanh thu được phản ánh đầy đủ, phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp nhập trước - xuất trước

❖ ***Việc hạch toán kê khai thuế được thực hiện khá chặt chẽ.*** Công ty thực hiện đúng, tính đủ số thuế phải nộp và NSNN. Đồng thời công ty sử dụng đầy đủ các mẫu kê khai tính thuế giá trị gia tăng do doanh nghiệp quy định.

3.1.2. Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty vẫn còn một số hạn chế cần hoàn thiện.

• ***Thứ nhất: Về hệ thống sổ sách hạch toán doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán:*** Hiện tại, về việc hạch toán doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán, kế toán chỉ sử dụng 2 sổ cái TK 511 và sổ cái TK 632 mà không sử dụng các sổ chi tiết phục vụ cho các tài khoản này.

Do đó việc hạch toán doanh thu chưa thật chi tiết và chưa phản ánh được doanh thu chủ yếu của Công ty. Điều này sẽ làm cho Ban quản lý dễ bị nhầm lẫn, từ đó Ban giám đốc sẽ không đưa ra được nhiều định hướng và các biện pháp kinh tế đúng đắn nhằm cân đối giữa các mặt hàng do Công ty cung cấp, nhằm tối đa hoá lợi nhuận..

- **Thứ hai, về việc chưa phân bổ chi phí quản lý kinh doanh theo tiêu thức doanh thu thuần.**

- **Thứ ba : Về hạch toán tài khoản sử dụng :** Công ty hạch toán nghiệp vụ kinh tế phát sinh chưa đúng TK theo chế độ kế toán hiện hành làm ảnh hưởng đến kết quả báo cáo tài chính .

- **Thứ tư : Về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán.**

Hiện nay, việc ghi chép kế toán ở Công ty còn thủ công nên vẫn tồn tại những hạn chế nhất định như mất thời gian, dễ gây nhầm lẫn, sai sót, không hiệu quả...chính vì thế mà Báo cáo tài chính của công ty đôi khi chậm trễ về thời gian, khi có sai sót thì khó phát hiện ra.

3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Khi Việt Nam chuyển sang nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phải quan tâm nhiều hơn về sản phẩm và hoạt động sản xuất kinh doanh của họ. Do vậy các doanh nghiệp rất cần các thông tin chính xác đầy đủ kịp thời về tình hình tiêu thụ lãi lỗ thực tế của doanh nghiệp, những thông tin này có thể lấy từ nhiều nguồn khác nhau nên phải có sự thu thập chọn lựa thông tin. Thu thập thông tin từ phòng kế toán là việc doanh nghiệp vẫn luôn được thực hiện.

3.2.2. Một số nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện công tác kế toán

Trong cơ chế thị trường, công tác kế toán ngày càng thể hiện vai trò quan trọng trong việc quản lý nền kinh tế nói chung và trong mỗi doanh nghiệp nói riêng. Vì vậy vấn đề hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là sự cần thiết khách quan và cần phải dựa vào một số nguyên tắc:

- Nguyên tắc thống nhất
 - Đảm bảo sự thống nhất từ trung ương đến cơ sở.
 - Đảm bảo sự thống nhất giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh.
 - Đảm bảo sự thống nhất về hệ thống chứng từ tài khoản, sổ sách kế toán

và phương pháp hạch toán.

- Thực hiện đúng chế độ nhà nước ban hành
- Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học phù hợp với đặc điểm tính chất kinh doanh của doanh nghiệp. đơn vị phải có đội ngũ nhân viên kế toán hiểu biết nghiệp vụ kế toán.
- Tiếp cận chuẩn mực quốc tế, áp dụng phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp.
- Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác kịp thời, đầy đủ về mọi mặt của hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp, kịp thời phục vụ cho việc chỉ đạo quá trình kinh doanh.

3.2.3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong .

Với những kinh nghiệm thực tế đúc kết được trong thời gian thực tập đã giúp em hiểu và nắm vững hơn những kiến thức đã học được ở trường. Trên cơ sở lý luận và tìm hiểu thực tế tại công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong em xin đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại đơn vị như sau :

3.2.3.1. Giải pháp 1 : Tiến hàng mở thêm sổ chi tiết về doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán.

Hiện tại công ty đang hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực là bán buôn và bán lẻ xe máy. Vì vậy công ty cũng nên mở sổ chi tiết doanh thu bán hàng và sổ chi tiết hàng bán theo từng lĩnh vực.

Tác dụng của việc mở các sổ chi tiết cho các tài khoản 511 và 632:

+ Giúp phân biệt được từng loại doanh thu cũng như giá vốn, điều này giúp các nhà quản lý đánh giá được hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ nào có hiệu quả, từ đó có các chính sách, biện pháp nên tăng doanh thu của hàng hoá, dịch vụ nào và nên giảm doanh thu của hàng hoá, dịch vụ nào.

+ Giúp cho nhà quản lý xây dựng kế hoạch doanh thu cho từng loại.

Dưới đây là hai mẫu sổ chi tiết gồm Sổ chi tiết doanh thu và Sổ chi tiết GVHB dùng cho hoạt động bán hàng.

Biểu số 18 : Sổ chi tiết doanh thu

Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong

Mẫu số S17 – DNN

Số 5A đường Phạm Văn Đồng – Phường An

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

Dũng – Quận Kinh Dương – Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT DOANH THU

Tên sản phẩm (hàng hóa dịch vụ): Xe SH Mode

Tháng 12

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
			Số dư đầu kỳ				
...			
21/12	HĐ815 PT326	21/12	Xuất bán xe SH Mode	131		87.818.182	
...		
23/12	HĐ818 PT332	23/12	Xuất bán xe SH Mode	111		43.909.091	
			
			Kết chuyển doanh thu Xe SH Mode		352.640.198		
			Cộng số phát sinh		352.640.198	352.640.198	
			Số dư cuối kỳ				

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu : Phòng kế toán Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong)

Biểu số 20: Sổ chi tiết giá vốn

Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong

Mẫu số S17 – DNN

Số 5A đường Phạm Văn Đồng – Phường An

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

Dũng – Quận Kinh Dương – Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN

Tên sản phẩm (hàng hóa dịch vụ): Xe SH Mode

Tháng 12

Đơn vị tính : VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
			Số dư đầu kỳ				
...			
21/12	PX 300	21/12	Xuất bán xe SH Mode	131	86.472.728		
...		
23/12	PX 308	23/12	Xuất bán xe SH Mode	111	43.236.364		
			
			Kết chuyển giá vốn Xe SH Mode			331.509.198	
			Cộng phát sinh		331.509.198	331.509.198	
			Số dư cuối kỳ				

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu : Phòng kế toán Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong)

3.2.3.2. Giải pháp 2: Phân bổ chi phí quản lý kinh doanh theo tiêu thức doanh thu thuần.

Căn cứ vào sổ chi tiết bán hàng và Sổ chi tiết giá vốn hàng bán mở chi tiết cho từng loại mặt hàng, ta xác định được lợi nhuận gộp của từng mặt hàng. Để xác định chính xác kết quả kinh doanh cuối cùng cụ thể cho từng mặt hàng, ta lấy lợi nhuận gộp trừ đi chi phí quản lý kinh doanh phân bổ cho từng mặt hàng. Ta có thể phân bổ chi phí quản lý kinh doanh theo tiêu thức doanh thu thuần với công thức sau:

$$\text{Chi phí quản lý kinh doanh phân bổ cho mặt hàng X} = \frac{\text{Tổng chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh}}{\text{Tổng doanh thu thuần của tất cả các mặt hàng}} \times \text{Doanh thu thuần của mặt hàng X}$$

Ví dụ: Phân bổ chi phí xe SH - Mode

- Doanh thu thuần xe SH – Mode : 3.370.395.004
- Giá vốn hàng bán xe SH - Mode: 3.155.869.235
- Chi phí quản lý kinh doanh của tất cả các mặt hàng: 300.394.636

$$\text{Chi phí quản lý kinh doanh phân bổ cho xe SH- Mode} = \frac{300.394.636}{9.140.790.008} \times 3.370.395.004 = 110.761.606$$

Biểu số 22: Bảng chi tiết kết quả kinh doanh của từng mặt hàng trong doanh nghiệp

Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong

Số 5A đường Phạm Văn Đồng – Phường An Dũng – Quận Kinh Dương – Hải Phòng

**BẢNG CHI TIẾT KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA TỪNG MẶT HÀNG
Năm 2016**

STT	Tên hàng hóa	Doanh thu thuần	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp	Chi phí quản lý kinh doanh phân bổ cho từng mặt hàng	Kết quả kinh doanh		Ghi chú
						Số tiền	Tỷ trọng (%)	
...
	Xe SH-Mode	3.370.395.004	3.155.869.235	214.525.769	110.761.606	103.764.163	31,6	
...
	Tổng cộng	9.140.790.008	8.511.738.470	629.051.538	300.394.636	328.656.902	100	

(Nguồn số liệu : Phòng kế toán công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong)

3.2.3.3. Giải pháp 3: Công ty nên hạch toán nghiệp vụ kinh tế phát sinh và đúng TK theo chế độ kế toán hiện hành

Hiện nay trong quá trình hạch toán rất nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh về các loại chi phí như phí SMS, phí chuyển tiền được hạch toán vào TK 635 . Theo nội dung kinh tế hạch toán như vậy là không chính xác nên hạch toán vào chi phí quản lý kinh doanh (TK 642) thay vì TK 635.

Quay lại ví dụ 2.7. Ngày 15/12/2016 trả phí chuyển tiền ở ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Hải An , số tiền 198.909 đồng .Kế toán đã hạch toán như này :

Nợ TK 635 : 198.905

Có TK 112 :198.905

Nhưng theo em hạch toán chính xác phải như sau :

Nợ TK 642 : 198.905

Có TK 112 : 198.905

Biểu số 36: Giấy báo nợ



GIẤY BÁO NỢ

Mẫu số: 01GTKT2/004

Liên 2: Giao khách hàng

Ký hiệu:

Ngày 15 tháng 12 năm 2016

Tên khách hàng: Công ty TNHH ô tô xe máy
Thuận Phong

Số tài khoản: 2114201003925

Loại tiền: VNĐ

Địa chỉ: số 5A, Phạm Văn Đồng, P.Anh Dũng,
Q.Dương Kinh, Hải Phòng.

Loại tài khoản: Tiền gửi thanh toán

Mã số thuế: 0201205254

Chúng tôi xin thông báo đã ghi nợ tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Trả phí chuyển tiền	198.905
Tổng	198.905

Số tiền bằng chữ: Một trăm chín mươi tám nghìn chín trăm linh năm đồng

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(Nguồn số liệu : Phòng kế toán Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong)

Căn cứ vào giấy báo nợ (biểu số 36) kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 37). Từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 642 (biểu số 38) . Cuối kỳ căn cứ vào số liệu trên sổ cái 642 kế toán lập bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính .

Biểu số 37 :Trích sổ Nhật ký chung năm 2016

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong

Địa chỉ:số 5A, Phạm Văn Đồng, P.Anh Dũng,

Q. Dương Kinh, Hải Phòng.

(Mẫu số S03a-DNN

Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ-BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có

10/12	GBN0022	10/12	Phí SMS	642	44.000	
				1121		44.000
					
15/12	GBN0024	15/12	Phí chuyển tiền	642	198.905	
				1121		198.905

			Cộng phát sinh		58.320.864.704	58.320.864.704

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu : Phòng kế toán Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong)

Biểu số 38 :Trích Sổ cái 642 năm 2016

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong

Mẫu số: S03a – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Địa chỉ: số 5A, Phạm Văn Đồng, P.Anh
Dũng, Q. Dương Kinh, Hải Phòng.

SỔ CÁI

Năm:2016

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

Đơn vị tính: Đồng

NT Ghi số	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK Đ/U'	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...		
10/12	GBN 0022	10/12	Phí SMS	1121	44.000	
...		
15/12	GBN 0024	15/12	Phí chuyển tiền	1121	198.905	
					
31/12	PTK 32	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911		303.334.388
			Cộng số phát sinh		303.334.388	303.334.388
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu : Phòng kế toán Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong)

3.2.3.4. Giải pháp 4: Công ty nên ứng dụng phần mềm kế toán.

Việc sử dụng phần mềm kế toán giúp sẽ giúp công ty giảm bớt gánh nặng trong công việc cho kế toán mà lại hiệu quả cao. Khi ứng dụng các phần mềm kế toán, việc xử lý, kiểm tra và cung cấp thông tin kinh tế tài chính nhanh chóng, chính xác, kịp thời, tiết kiệm sức lao động, mang lại hiệu quả cao. Đồng thời, lưu trữ bảo quản dữ liệu thuận lợi, an toàn. Các phần mềm này có giá cả phải chăng, phù hợp với nhiều mô hình doanh nghiệp, dễ học, dễ sử dụng.

Một số phần mềm của các nhà cung ứng chuyên nghiệp và có uy tín như : MISA, FAST, SMART, BRAVO, LinkQ, ... Ví dụ:

• Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012

Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012 gồm 13 phân hệ, được thiết kế cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ với mục đích giúp cho các doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý các nghiệp vụ phát sinh của mình. MISA rất dễ sử dụng và luôn được cập nhật các chế độ tài chính mới nhất. Đặc biệt, phần mềm hỗ trợ tạo mẫu, phát hành, in, quản lý và sử dụng hóa đơn theo nghị định 51/2010/NĐ-CP

+ Về giá cả: 9.950.000 đồng



• Phần mềm kế toán FAST

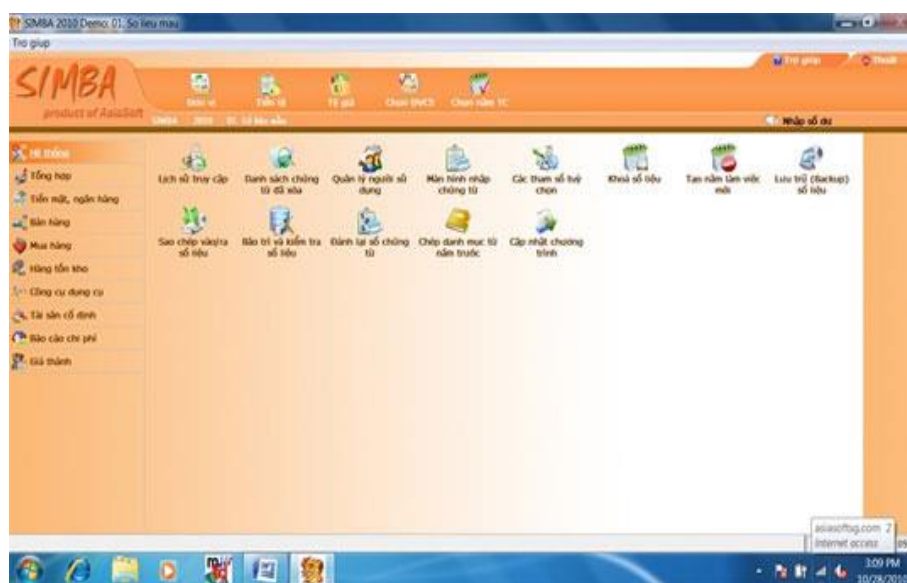
Phần mềm kế toán FAST là phần mềm điển hình dành cho các loại hình doanh nghiệp với quy mô vừa và nhỏ, ví dụ như: các doanh nghiệp lớn cần phải báo cáo về việc quản lý hay các doanh nghiệp xây dựng, xây lắp. Ưu điểm của phần mềm kế toán này là giao diện rất dễ sử dụng, luôn cập nhật những thay đổi mới nhất về các chính sách điều khoản thuế, thông tư và các nghị định về bộ tài chính, bám sát các chế độ kế toán hiện hành, FAST có tính bảo mật rất tốt.

• Phần mềm kế toán SIMBA

Được thiết kế dành cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa với mục tiêu giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí, giảm thiểu các thủ tục không cần thiết, đơn giản hóa và làm gọn nhẹ công tác kế toán.

Ưu điểm:

- Cho phép bảo mật bằng mật khẩu và phân quyền truy cập chi tiết đến từng chức năng trong chương trình, từng người sử dụng.
- Cập nhật đầy đủ các biểu mẫu mới nhất của Bộ Tài Chính.
- Hỗ trợ tính giá thành theo phương pháp như: đơn giản, định mức, đối tượng tập hợp chi phí có thể sản phẩm, công trình, hợp đồng, đơn giản.
- Giao diện được thiết kế theo hướng đơn giản, dễ thao tác.



KẾT LUẬN

Trong cơ chế thị trường hiện nay cạnh tranh trên thương trường ngày càng gay gắt, sân chơi trên thương trường cũng trở nên bình đẳng hơn, các doanh nghiệp chỉ có thể tồn tại và phát triển khi tạo cho mình sức mạnh tốt, mà cái đó phải do chính bản thân doanh nghiệp nỗ lực thực hiện. Vấn đề kế toán xác định doanh thu, chi phí có ý nghĩa to lớn đối với sự tồn tại doanh nghiệp. Việc xác định đúng doanh thu, chi phí sẽ giúp cho nhà quản trị đưa ra các quyết định đúng đắn, chính xác và kịp thời trong việc quản lý, điều hành và phát triển công ty. Vì thế hoàn thiện công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không chỉ là của công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong mà còn là vấn đề quan tâm của tất cả các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế hiện nay.

Bằng việc tiếp xúc thực tế tại doanh nghiệp cùng với sự giúp đỡ của các thầy cô giáo trong khoa kế toán và đặc biệt là sự chỉ dẫn của thầy TS. Phạm Văn Tường cùng với sự cố gắng học hỏi của bản thân em đã thu được rất nhiều các kiến thức thực tế. Do còn thiếu kinh nghiệm cũng như thời gian nên báo cáo này không thể tránh khỏi có những sai sót. Vì vậy em rất mong được sự giúp đỡ và chỉ bảo của thầy cô giáo để em có thể hoàn thiện hơn.

Qua đây em xin chân thành cảm ơn Ban giám hiệu, các thầy cô giáo trong khoa kế toán trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng và đặc biệt là TS. Phạm Văn Tường đã tạo mọi điều kiện và tận tình giúp đỡ và chỉ bảo em. Bên cạnh đó em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các anh chị phòng kế toán công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong đã hướng dẫn, giúp đỡ và tạo điều kiện để em có thể hoàn thiện đề tài này.

Sinh viên

Phạm Thu Hà

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1 Quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán Doanh nghiệp.
- 2 Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 1 – Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính
- 3 Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 2 – Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính
- 4 Công ty TNHH ô tô xe máy Thuận Phong , *Sổ sách kế toán công ty năm 2016*
- 5 Trương Thị Thủy – Ngô Thế Chi (2012), *Giáo trình kế toán Tài chính*, Nhà xuất bản Tài chính